TÔN NAM KIM
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

MÃ CHỨNG KHOÁN

NKG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

TÔN NAM KIM
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Lô A1, Đường Đ2, KCN Đồng An 2, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương

T: 0274 3748 848 F: 0274 3748 868

E: info@namkimgroup.vn www.tonnamkim.com

Quét mã QR
Để Biết Thêm Thông Tin

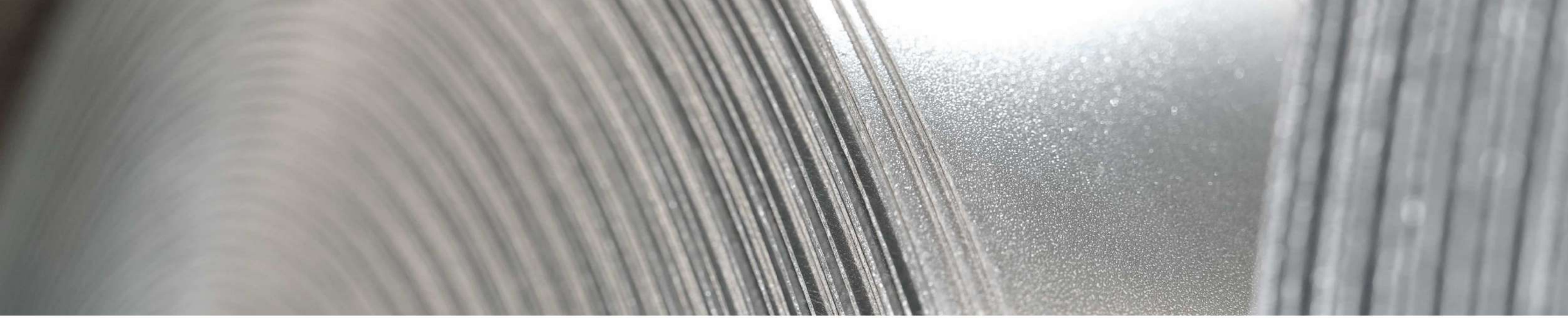

MỤC LỤC

1 **THÔNG TIN CHUNG**
Thông tin công ty 6
Thông tin liên hệ 6
Ngành nghề kinh doanh 6
Triết lý kinh doanh, định hướng phát triển 7
Tầm nhìn 7
Mục tiêu chủ yếu 7
Giá trị cốt lõi 8
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 9

2 **GIỚI THIỆU TÔN NAM KIM**
Quá trình hình thành và phát triển 13
Dấu ấn Tôn Nam Kim 2023 15
Thành tựu và giải thưởng 17
Mô hình quản trị 19
Hệ thống nhà máy và công ty con 21
Hội đồng quản trị 25
Ban Tổng giám đốc 26
Ban kiểm soát 27
Dây chuyền sản xuất 29
Sản phẩm 35
Thị trường và hệ thống phân phối 53

3 **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2023**
Vĩ mô 2023 57
Ngành thép 2023 61
Tôn Nam Kim 2023 63
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 66

4 **QUẢN TRỊ CÔNG TY**
Báo cáo của Hội đồng quản trị 73
Hoạt động của Hội đồng quản trị 76
Báo cáo của Ban kiểm soát 77
Quản trị rủi ro 80
Cổ phiếu NKG 85

5 **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
Tầm nhìn bền vững 91
Tối ưu hiệu quả kinh tế 93
Củng cố, phát triển nguồn nhân lực 95
Bảo vệ môi trường thiên nhiên 97
Đồng hành với cộng đồng, xã hội 98

6 **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin công ty	6
Thông tin liên hệ	6
Ngành nghề kinh doanh	6
Triết lý kinh doanh, định hướng phát triển	7
Tầm nhìn	7
Mục tiêu chủ yếu	7
Giá trị cốt lõi	8
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	9

Nâng tầm giá trị doanh nghiệp, phát huy năng lực quản trị

TƯ DUY **CHẤT LƯỢNG,** CUỘC SỐNG **VỮNG BỀN**

"Cải tiến chất lượng không ngừng" là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp."



TÔN NAM KIM
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

THÔNG TIN CÔNG TY

Tên tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM
Tên tiếng Anh	NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	NAKISCO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	3700477019
Vốn điều lệ	2.632.778.060.000 VND
Mã cổ phiếu	NKG

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ	Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú,Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Số điện thoại	+84 27 43 748 848
Số fax	+84 27 43 748 868
Website	www.tonnamkim.com
Email	info@namkimgroup.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.

Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: Sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm.

Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép các loại.

Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (trừ xử lý và tráng phủ kim loại và không gia công tại địa điểm trụ sở chính).

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế tại trụ sở chính).



TRIẾT LÝ KINH DOANH, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN

Sản phẩm mang thương hiệu Tôn Nam Kim được khách hàng trong nước và quốc tế nhìn nhận ở phân khúc chất lượng cao.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Với phương châm "Cải tiến và đổi mới không ngừng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp", đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cùng với chính sách chăm sóc chu đáo và giá cả cạnh tranh. Tôn Nam Kim sẽ không ngừng tích lũy, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đổi mới năng lực quản lý, mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Thông qua đó, giữ vững vị trí là một trong 3 đơn vị đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc, với mục tiêu đạt và duy trì ở mức trên 20%.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

VĂN HÓA HỌC HỎI, CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Tinh thần cải tiến chất lượng không ngừng được nhất quán xuyên suốt trong tất cả các mặt hoạt động, trở thành một nét văn hóa trong các bộ phận, các cấp trong doanh nghiệp. Tôn Nam Kim đầu tư công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống quản trị khoa học, xây dựng các chương trình đào tạo nguồn lực con người nhằm giữ vững và phát huy giá trị cốt lõi.

VĂN HÓA HỌC HỎI

Tôn Nam Kim luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng chất - nâng tầm cho Cán bộ công nhân viên, từ đó xây dựng niềm tin và sự gắn bó lâu dài giữa CBCNV và Công ty. Mỗi cá nhân đều luôn có cơ hội học hỏi trong mọi hoàn cảnh và bằng nhiều hình thức như đào tạo hội nhập, đào tạo trong công việc, đào tạo chuyên môn, đào tạo quản lý... người đi trước có nhiều kinh nghiệm truyền dẫn cho lớp trẻ để tạo nguồn nhân lực kế thừa, đưa CBCNV đến học hỏi tại các tập đoàn, công ty lớn trên khắp các châu lục, tham gia các hội thảo chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế. Việc là thành viên của Hiệp hội Thép Việt Nam cũng tạo cơ hội cho CBCNV giao lưu học hỏi lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong nước.

CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Mỗi thành viên của Tôn Nam Kim đều là người tiên phong trong lĩnh vực, trách nhiệm của mình, sáng tạo mỗi ngày, tìm tòi ý tưởng mới và tạo điều kiện áp dụng vào thực tế để nâng cao hiệu suất và chất lượng công việc. Tất cả con người Tôn Nam Kim đều luôn nỗ lực không ngừng bám sát các quy chuẩn, quy trình trong sản xuất, kinh doanh, tổ chức. Tiên phong khám phá, đón đầu xu hướng và để tạo nên những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, thẩm mỹ cao, chất lượng dịch vụ bán hàng và hậu mãi tốt.

Tiên phong đầu tư công nghệ máy móc hiện đại, sử dụng nguồn nguyên liệu từ các tập đoàn hàng đầu thế giới, luôn lắng nghe nhu cầu và xu thế khách hàng và người tiêu dùng cũng là các tôn chỉ để thực thi giá trị cốt lõi cải tiến và đổi mới liên tục.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Cán bộ công nhân viên và Đối tác

Năm 2023 đánh dấu một năm cực kỳ trầm lắng của nền kinh tế. Việc lãi suất đã tăng cao trên toàn cầu đã khiến nhu cầu tiêu dùng toàn cầu thắt chặt lại. Theo báo cáo của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), tổng giá trị thương mại hàng hoá và dịch vụ toàn cầu ước giảm 5% trong năm 2023, đạt 30,7 nghìn tỷ USD trong năm nay. Những cuộc biểu tình diễn ra khắp Châu Âu, chiến sự trên thế giới leo thang căng thẳng, bất động sản Trung Quốc trì trệ càng khiến cho chi tiêu trên toàn cầu giảm sút.

Tuy nhiên, bức tranh kinh tế Việt Nam đã chứng minh nội lực khi lạm phát năm 2023 chỉ ở mức 3,25%, tạo tiền đề cho Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất ngay từ cuối quý I/2023 để hỗ trợ nền kinh tế. Hiện nay, lãi suất cho vay ngắn hạn đã giảm từ 2% - 3% so với cuối năm 2022. Kết thúc năm 2023, GDP Việt Nam tăng trưởng 5,05%, riêng quý IV/2023 ước tính tăng 6,72% so với cùng kỳ năm trước với xu hướng hồi phục vô cùng tích cực, quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47%).

Ngành tôn mạ - ống thép, vốn có mối liên kết chặt chẽ với kinh tế cũng không nằm ngoài ngoại lệ. Quý I/2023 ghi nhận những gam màu xám của toàn ngành nhưng dần phục hồi tốt hơn từ quý II/2023 với động lực dẫn dắt từ thị trường xuất khẩu và đầu tư công ở thị trường nội địa. Đặc biệt, các nhà sản xuất tôn mạ Việt Nam đã tận dụng được khoảng trống ở thị trường Châu Âu khi lệnh cấm vận và chiến tranh đã hạn chế sản lượng của các nhà sản xuất Đông Âu.

Kết thúc năm tài chính 2023, Tôn Nam Kim đạt doanh thu 18.621 tỷ đồng, hoàn thành 93% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 117 tỷ đồng. Tổng tài sản năm 2023 ở mức 12.235 tỷ đồng, trong đó điểm nổi bật nhất là Công ty đã cải thiện rất mạnh dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, ở mức dương 268 tỷ đồng, qua đó giúp Công ty duy trì cấu trúc tài chính bền vững.

Ở khía cạnh về phía Công ty, thay mặt Hội đồng quản trị của Tôn Nam Kim, chúng tôi rất thấu hiểu những nỗ lực từ Ban lãnh đạo và sự sâu sát trong từng chỉ đạo hay biến động từ thị trường. Bước sang năm 2024, Hội đồng quản trị đánh giá đây là năm bản lề khi Tôn Nam Kim quyết định sẽ đi sâu vào chuỗi giá trị ngành thông qua dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ trong bối cảnh nhiều biến động khó lường sẽ xảy ra. Do đó, trọng tâm của Tôn Nam Kim trong năm 2024 sẽ xoay quanh những định hướng sau:

- Tối ưu quy trình sản xuất, duy trì chất lượng ổn định và tiết giảm tối đa hao phí.
- Nghiên cứu phương án phù hợp, tối ưu nhất để đầu tư Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ.
- Nâng cao vị thế cạnh tranh ở thị trường nội địa, giữ vững mối liên kết hiện có ở thị trường xuất khẩu hiện hữu và mở rộng ra các thị trường mới.
- Nghiên cứu các sản phẩm từ hợp kim magie, kẽm ... nghiên cứu thêm các sản phẩm phù hợp với thị hiếu và tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao tính cạnh tranh của Tôn Nam Kim trên thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục duy trì sự ổn định trong bộ máy tổ chức, đảm bảo an sinh cho CBCNV; hoạt động sản xuất và kinh doanh phát triển theo mô hình kinh tế bền vững, tạo ra giá trị cho xã hội và cộng đồng.
- Kế hoạch sản xuất và kinh doanh tiếp tục bám sát với thực tiễn, duy trì sự an toàn trong cơ cấu tài chính; gia tăng nội lực, tạo tiền đề phát triển trong tương lai.

Doanh nghiệp hiểu rằng trong năm 2024, thách thức sẽ là rất lớn và yêu cầu doanh nghiệp liên tục thay đổi để thích ứng và phát triển. Thay mặt cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể CBCNV của Tôn Nam Kim, tôi chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Quý khách hàng cũng như tất cả mọi người đã tin tưởng Tôn Nam Kim trong suốt những năm qua. Dẫu có những biến cố, khó khăn nhưng niềm tin về sản phẩm, về giá trị cốt lõi của Công ty đã biến thành động lực to lớn để Tôn Nam Kim tiếp tục phát triển rực rỡ cùng đất nước. Tôi mong rằng niềm tin và sự đồng hành của mọi người sẽ tiếp tục là động lực, là sự ủng hộ cho Tôn Nam Kim tiếp tục phát triển trong tương lai, hướng tới định hướng là một trong những công ty tôn mạ có vị thế hàng đầu không chỉ ở Việt Nam mà còn ở thị trường Đông Nam Á.

Trân trọng,

HỒ MINH QUANG
Chủ tịch Hội đồng quản trị





2

GIỚI THIỆU TÔN NAM KIM

Quá trình hình thành và phát triển	13
Dấu ấn Tôn Nam Kim 2023	15
Thành tựu và giải thưởng	17
Mô hình quản trị	19
Hệ thống nhà máy và công ty con	21
Hội đồng quản trị	25
Ban Tổng giám đốc	26
Ban kiểm soát	27
Dây chuyền sản xuất	29
Sản phẩm	35
Thị trường và hệ thống phân phối	53

Tư duy chất lượng, cuộc sống vững bền

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2002
THÀNH LẬP

Tôn Nam Kim được thành lập với dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF đầu tiên tại Việt Nam.



2010
KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 1 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.



2011
NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Tôn Nam Kim niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu NKG.



2012
NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 1 hoạt động nâng tổng công suất Tôn Nam Kim lên 350.000 tấn/năm.



2014
KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2

Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 2 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.



2015
KHỞI CÔNG NHÀ MÁY ỐNG LONG AN

Khởi công xây dựng Nhà máy ống Long An tại KCN Vĩnh Lộc 2, Long An.



2016
NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 2 hoạt động với tổng công suất của Tôn Nam Kim đạt 650.000 tấn/năm.



2018
TỔNG CÔNG SUẤT 1 TRIỆU TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Công suất mạ: 1.000.000 tấn/năm.
Công suất tẩy cán: 900.000 tấn/năm.
Công suất ống kẽm: 200.000 tấn/năm.



2020
TÁI CẤU TRÚC HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI

Tôn Nam Kim tái cấu trúc thành công, vượt qua năm 2020 đầy thử thách với kết quả kinh doanh ấn tượng.

Ứng dụng hệ thống ERP SAP HANA 4/S.



2021
KHỞI CÔNG NHÀ MÁY ỐNG MỸ PHƯỚC

Khởi công xây dựng kho hàng tập trung và Nhà máy ống Mỹ Phước tại KCN Mỹ Phước 3, Bình Dương.



2023
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH CÔNG CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT TÔN ZINMAG®

Tôn Nam Kim nghiên cứu và phát triển thành công công nghệ sản xuất dòng sản phẩm tôn ZINMAG® – Tôn mạ hợp kim Magie, bảo hành trên 50 năm.



2022
NÂNG CAO GIÁ TRỊ, KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

Tôn Nam Kim ra mắt dòng sản phẩm AZ200, bảo hành đến 25 năm và kiện toàn toàn bộ bộ máy quản lý giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



Nghiên cứu và phát triển thành công dòng sản phẩm mới ZINMAG® - Tôn mạ hợp kim Magie

Sau hơn 4 năm nghiên cứu nghiêm túc và phát triển, Tháng 10/2023 Tôn Nam Kim đã chính thức đưa ra thị trường dòng sản phẩm mới với chất lượng vượt trội tôn ZINMAG® - Tôn mạ hợp kim Magie, bảo hành trên 50 năm. Tôn ZINMAG® là sản phẩm cao cấp với chất lượng ưu việt, giải pháp đột phá trong bảo vệ bề mặt và mép cắt kim loại được khuyến nghị sử dụng trong các môi trường khắc nghiệt nhất như môi trường vùng biển, chăn nuôi, hóa chất.

Ngoài ra, tôn ZINMAG® có thể sử dụng để thay thế nhiều vật liệu kim loại truyền thống khác trong rất nhiều ứng dụng trong cuộc sống với chi phí cạnh tranh mà độ bền cao.



TOP 4

Nhà tuyển dụng hàng đầu trong lĩnh vực Thép - Kim Khí - Kim Loại

Trong khuôn khổ chương trình Nghiên cứu toàn quốc về nơi làm việc tốt nhất năm 2023, Báo Đầu tư phối hợp với Viet Research công bố bảng xếp hạng VBE500 - Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam năm 2023, tôn vinh những doanh nghiệp có thành tích xuất sắc nhất trong tạo việc làm, đãi ngộ người lao động, có kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định và bền vững. Tôn Nam Kim vinh dự đạt Top 4 Nhà tuyển dụng hàng đầu trong lĩnh vực Thép - Kim Khí - Kim Loại trong chương trình nghiên cứu này.

Nguồn: bestemployer.vn

Doanh nghiệp đạt giải thưởng Sản phẩm, Dịch vụ sáng tạo, hiệu quả "Product Of The Year" 2023

Ngày 08/12/2023 tại khách sạn Pullman Hà Nội, Tôn Nam Kim đã vinh dự nhận giải thưởng Product of the Year - Sản phẩm, Dịch vụ sáng tạo, hiệu quả của năm 2023 cho sản phẩm tôn ZINMAG® do Báo Đầu tư phối hợp với Viet Research công bố và trao tặng.

Đạt được danh hiệu Product of the Year là bước đệm cho Tôn Nam Kim nâng cao lợi thế cạnh tranh của tôn Việt với những dòng sản phẩm ngoại nhập ngay tại chính thị trường nội địa cũng như tự tin khẳng định vị thế doanh nghiệp Việt trên thị trường quốc tế như Châu Âu, Mỹ, Châu Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản...



THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG

2015

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2015 cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng.

Vietnam Report phối hợp cùng Báo điện tử Vietnamnet trao tặng các danh hiệu Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 năm 2015 (hạng 174), Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2015 (hạng 297).

2016

TOP 500

Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

UBND tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt Bộ luật Lao động (2013-2015) và Đề án phát triển lao động giai đoạn (2014-2015).

UBND tỉnh Bình Dương tri ân Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã có nhiều hoạt động bảo trợ trẻ em khó khăn năm 2016.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 năm 2016 (hạng 169), Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn Việt Nam VNR 500 năm 2016 (hạng 61), Top 50 Doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất năm 2016.

UBND tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt chăm lo đời sống người lao động năm 2016.

2017

TOP 50

Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam

Danh hiệu Top 100 Doanh nhân tiêu biểu tỉnh Bình Dương năm 2017 do UBND tỉnh Bình Dương trao tặng.

Bằng khen Doanh nghiệp thực hiện tốt việc kê khai và nộp thuế năm 2016 do Cục Hải quan tỉnh Bình Dương trao tặng.

Giải thưởng Doanh nghiệp tạo điều kiện tốt cho Công Đoàn hoạt động do Liên đoàn Lao động thị xã Thuận An trao tặng.

Danh hiệu Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2017 do Báo Nhịp cầu đầu tư trao tặng.

Danh hiệu Doanh nghiệp đạt chỉ số tài chính tốt nhất năm 2017 do Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp - Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam - Báo Diễn đàn doanh nghiệp trao tặng.

Bằng khen đã tham gia tài trợ, góp phần vào sự thành công của Festival Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ II - Bình Dương năm 2017 do Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương trao tặng.

Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc năm 2017, Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam năm 2017, Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2017 (hạng 317), Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất năm 2017 (hạng 110).

2018

Danh hiệu Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018 do FORBES Việt Nam bình chọn.

2019

Thành tích tốt trong công tác kê khai, nộp thuế và có nhiều đóng góp tích cực vào nhiệm vụ chung của Cục Hải quan tỉnh Bình Dương năm 2018 do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Bình Dương trao tặng.

2020

Thương hiệu Quốc gia 2020 do Bộ Công Thương trao tặng.

Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam do Bộ Công Thương bình chọn.

2021

Top 2 Doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam.

Đạt Giấy chứng nhận ISO/IEC 17025 của phòng thí nghiệm, với mã số VILAS 1417.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 từ 2010 đến 2021.

2022

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 từ 2010 đến 2022.

Thương hiệu Quốc gia 2022 do Bộ Công Thương trao tặng.

Danh hiệu Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022 do FORBES Việt Nam bình chọn.

2023

ZINMAG®

Product Of The Year 2023

Doanh nghiệp đạt giải thưởng Sản phẩm, Dịch vụ sáng tạo, hiệu quả "Product Of The Year" 2023.

VBE500 - Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam năm 2023.

Top 4 Nhà tuyển dụng hàng đầu trong lĩnh vực Thép - Kim Khí - Kim Loại.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

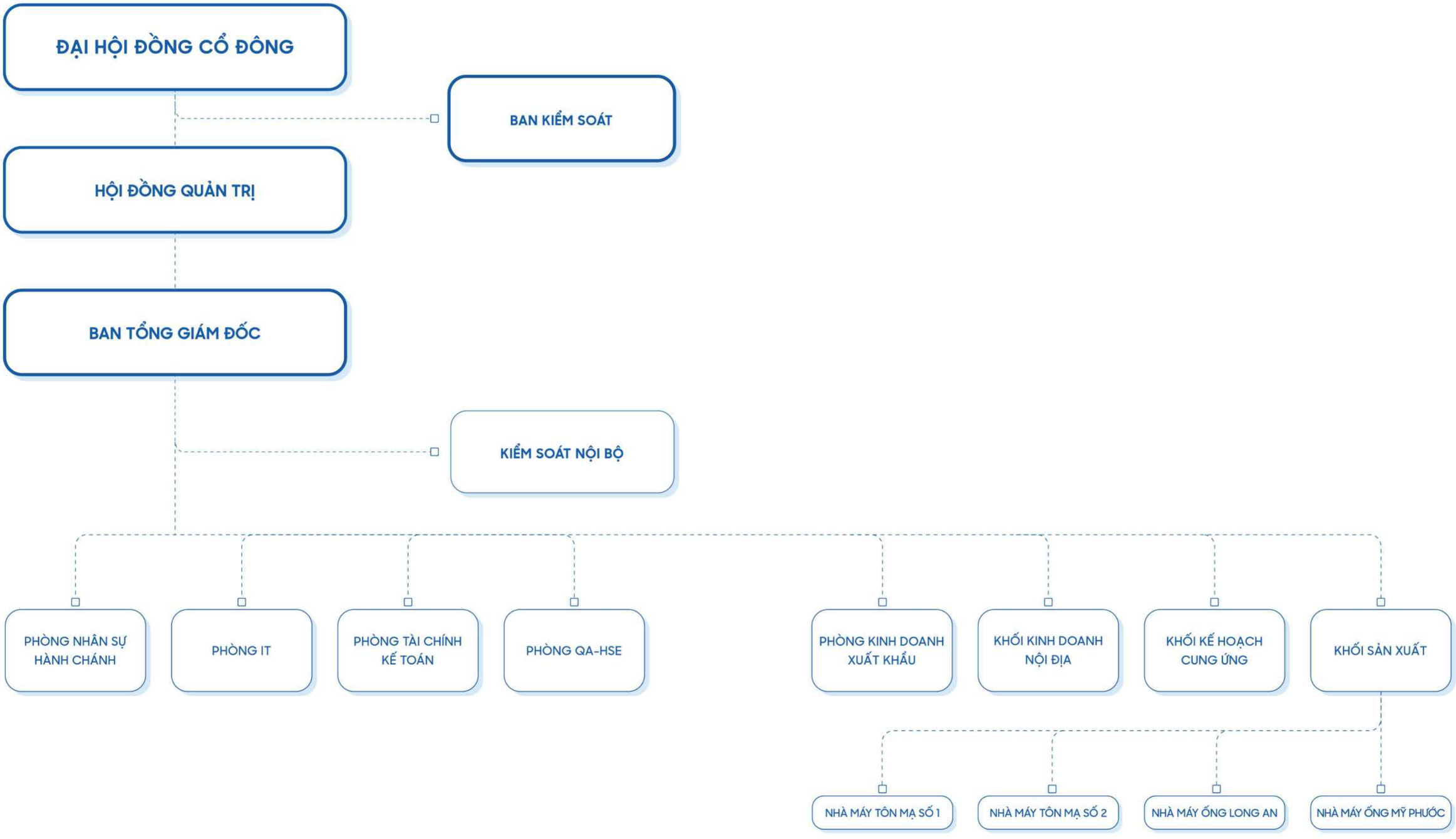

HỆ THỐNG NHÀ MÁY VÀ CÔNG TY CON



TRỤ SỞ CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM - NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2

Diện tích	10 ha.
Sản phẩm	Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu.
Địa chỉ	Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.



NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

Diện tích	6,5 ha.
Sản phẩm	Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm.
Địa chỉ	Lô B2.2 – B2.3, Đường Đ3, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.



CÔNG TY TNHH MTV ỐNG THÉP NAM KIM - NHÀ MÁY ỐNG LONG AN

Diện tích	3,2 ha.
Sản phẩm	Ống thép.
Địa chỉ	Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

HỆ THỐNG NHÀ MÁY VÀ CÔNG TY CON



CÔNG TY TNHH DAE MYUNG PAPER VIỆT NAM - NHÀ MÁY ỐNG MỸ PHƯỚC

Diện tích	5 ha.
Sản phẩm	Ống thép
Địa chỉ	Lô A-5F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.



Hình ảnh minh họa

CÔNG TY TNHH TÔN NAM KIM PHÚ MỸ

Diện tích	32,7 ha.
Sản phẩm	Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu.
Địa chỉ	Đường số 1, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 - Đại Dương, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỆ THỐNG NHÀ MÁY VÀ CÔNG TY CON CỦA TÔN NAM KIM TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

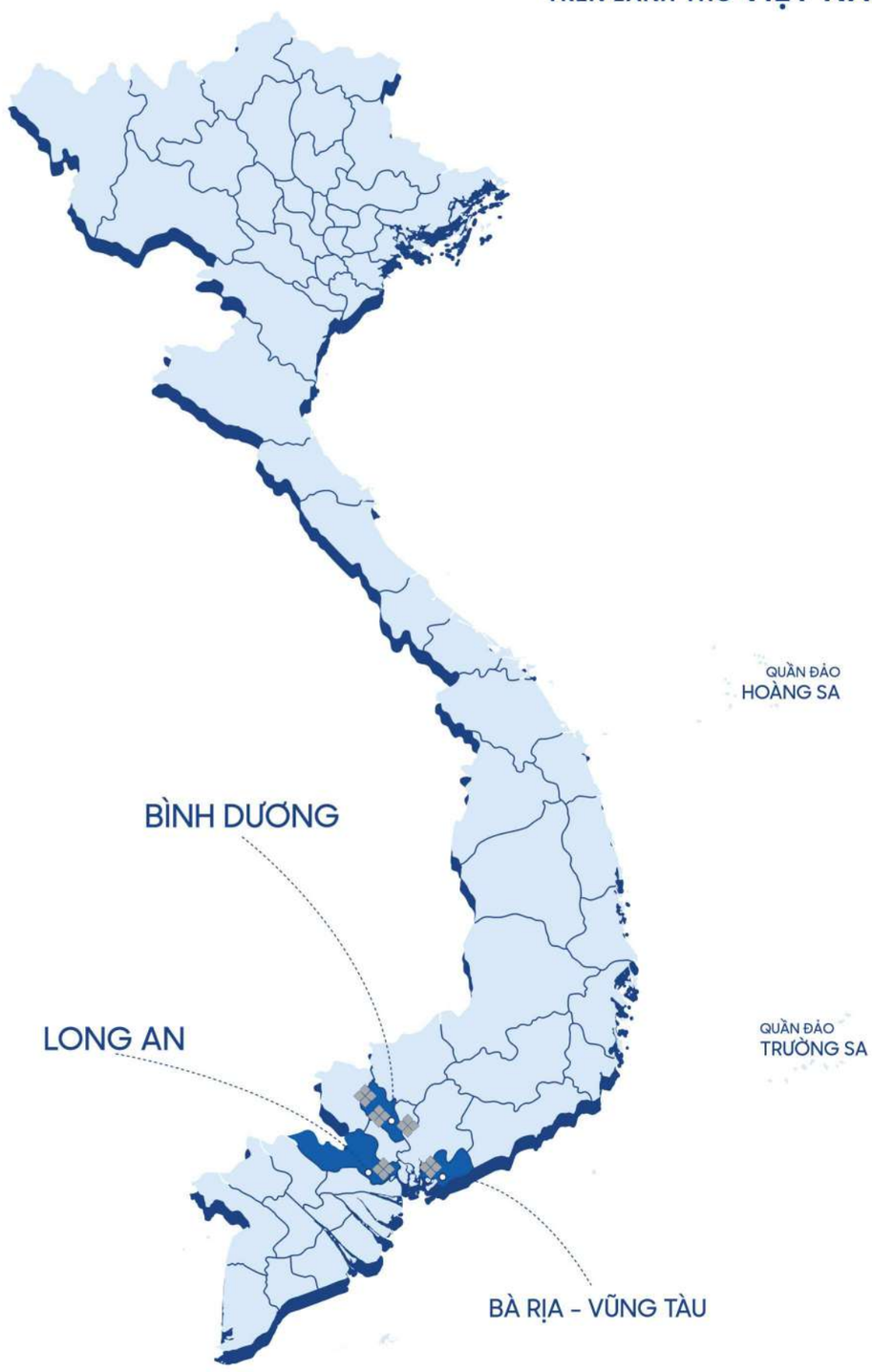

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **Hồ Minh Quang**
Chủ tịch HĐQT





Ông **Võ Hoàng Vũ**
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh Ngoại thương.
Chức vụ tại tổ chức khác:
Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai.
Tổng giám đốc Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam.
Giám đốc Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.

Ông **Nguyễn Vinh An**
Thành viên HĐQT

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật - bảo trì - R&D.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Công nghiệp.
Chức vụ tại tổ chức khác:
Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim.



Bà **Nguyễn Ngọc Ý Nhi**
Thành viên HĐQT

Gần 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn, đầu tư và quản lý tài chính cho các tổ chức quỹ đầu tư và công ty ngành thép.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.
Chức vụ tại tổ chức khác:
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Khối Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.



Ông **Võ Thời**
Thành viên độc lập HĐQT

Nhiều năm kinh nghiệm quản lý, điều hành, lãnh đạo Công ty.
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.
Chức vụ tại tổ chức khác:
Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Nam Hàn.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông **Võ Hoàng Vũ**
Tổng giám đốc





Ông **Nguyễn Vinh An**
Phó Tổng giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật - bảo trì - R&D.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Công nghiệp.
Chức vụ tại tổ chức khác:
Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim.



Bà **Trần Ngọc Diệu**
Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính

Hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành, lãnh đạo trong ngành thép phụ trách lĩnh vực kiểm soát và tài chính Công ty.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không.



Ông **Quảng Trọng Lăng**
Phó Tổng giám đốc

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành, lãnh đạo sản xuất.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không.



Bà **Nguyễn Thị Ngọc Liên**
Phó Tổng giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu, am hiểu thị trường và thông lệ quốc tế trong ngành thép.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không.



Ông **Nguyễn Minh Hùng**
Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh Nội địa

Hơn 20 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong ngành thép.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh Ngoại thương.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không.



Bà **Vũ Thị Huyền**
Kế toán trưởng

Gần 17 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kế toán kiểm toán.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không.

BAN KIỂM SOÁT



Bà **Nguyễn Thị Bích Nhi**
Trưởng BKS

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không.



Bà **Võ Thị Vui**
Thành viên BKS

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không.



Ông **Lê Nhật Tân**
Thành viên BKS

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không.



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

DÂY CHUYỀN TẨY GỈ

CÔNG SUẤT TẨY GỈ

1.000.000 TẤN/ NĂM

Độ dày thép nguyên liệu: 1.5 mm - 5.0 mm
Khổ rộng: 750 mm - 1300 mm

Thép nguyên liệu được tẩy gỉ trên dây chuyền hiện đại của tập đoàn SMS Group (CHLB Đức). Đây là dây chuyền tiên tiến hiện nay.

Với quy trình sản xuất khép kín, Tôn Nam Kim luôn chủ động thời gian trong việc phân bổ kế hoạch sản lượng của nhà máy, cũng như nguyên vật liệu sản xuất tẩy gỉ. Với công nghệ FLUIDIZED BED, cho thu hồi hạt sắt với độ tinh khiết cao, là nguyên liệu tái sử dụng cho các nhà máy luyện thép, từ đó góp phần bảo vệ môi trường.



DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI



CÔNG SUẤT CÁN NGUỘI

1.000.000 TẤN/ NĂM

Độ dày đầu ra của thép: 0.15 mm - 3.0 mm
Tốc độ cán: 1.400 mét/phút

Tôn Nam Kim sở hữu dây chuyền cán nguội đôi 2 giá cán, 6 trục CVC đầu tiên của Việt Nam, giúp công suất tăng gấp 2 lần và giảm thiểu nhân lực, chi phí vận hành sản xuất.

Công nghệ cán nguội với hệ thống AFC tự động tính toán cho ra độ phẳng băng tôn tối ưu nhất ngay ở tốc độ cao. Lực kéo khi cán lớn hơn, cán được những mác thép khác có độ cứng cao hơn, cho ra dãy sản phẩm rộng hơn để phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường.

DÂY CHUYỀN MẠ LẠNH HOẶC MẠ KẼM

CÔNG SUẤT MẠ

1.200.000 TẤN/ NĂM

Độ dày tôn mạ: 0.18 mm - 3.5 mm
Lớp mạ hợp kim: AZ200 (Tôn Lạnh) (GL), Z600 (Tôn Kẽm) (GI)

Tôn Nam Kim có 5 dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF có thể sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Các dây chuyền mạ được chế tạo bởi SMS (CHLB Đức) và được tích hợp các công nghệ hiện đại trong ngành như EMG (CHLB Đức), Drever (Bỉ), Ajax (Mỹ - Nhật) có thể kiểm soát tối ưu độ phẳng, độ đồng đều của bề mặt lớp mạ.

Chảo mạ sử dụng công nghệ ceramic và gia nhiệt cảm ứng bằng inductor của Ajax (Mỹ); đặc biệt dây chuyền mạ lò chữ L của Tôn Nam Kim cho phép đốt nhiệt đều 2 mặt tôn tốt hơn và mang lại sản phẩm chất lượng với độ thẩm mỹ cao.





CÔNG SUẤT MẠ MÀU

180.000 TẤN/ NĂM

Độ dày tôn mạ: 0.2 mm - 1.2 mm
Khổ rộng: 860 mm - 1250 mm
Độ dày sơn: lên đến 100 Micron/2 mặt

Tôn Nam Kim sở hữu 2 dây chuyền mạ màu tiên tiến được cung cấp bởi Paco Engineering (Hàn Quốc) và Shanghai JX với hệ thống điều khiển thông minh nhằm bảo đảm chất lượng sơn phủ đồng đều và bền màu. Dây chuyền có khả năng đáp ứng bất kỳ màu sắc nào do khách hàng yêu cầu.

Tôn mạ màu Nam Kim có thể đáp ứng bất kỳ màu sắc nào theo yêu cầu của khách hàng, với thời gian bảo hành trên 15 năm.

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Tôn Nam Kim đặc biệt chú trọng kiểm soát chất lượng. Ở mọi công đoạn, sản phẩm phải trải qua các quy trình kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo được chất lượng tốt nhất



1 - 2

Sản phẩm được kiểm tra độ bền kéo, độ cứng, quang phổ phân tích thành phần kim loại, hợp kim.

3

Kiểm tra độ bám dính giữa lớp mạ và thép nền





4

Kiểm tra các chỉ số về màu sắc, độ lệch màu giữa mẫu chuẩn với mẫu sản phẩm tôn mạ màu

5

Mô phỏng sự tác động của tia cực tím và các điều kiện thời tiết khắc nghiệt





6

Kiểm tra khả năng chống ố, mốc, phản ứng ăn mòn, kháng gỉ của tôn mạ màu, mạ kẽm hoặc mạ lạnh trong điều kiện tiêu chuẩn và điều kiện môi trường khắc nghiệt khác nhau

SẢN PHẨM



TÔN LẠNH MÀU



ZINMAG®
TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE



TÔN MẠ KẼM (GI)



TÔN MẠ HỢP KIM
NHÔM KẼM (GL)



ỐNG THÉP

Tôn Nam Kim sản xuất và phân phối các loại tôn lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và các loại sản phẩm thép công nghiệp. Sản phẩm Tôn Nam Kim đa dạng chủng loại, có độ bền và tính thẩm mỹ cao, sử dụng trong các ứng dụng dân dụng cũng như công nghiệp.

TÔN NAM KIM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHẮT KHE NHẤT TRÊN THẾ GIỚI

JIS JAPANESE INDUSTRIAL STANDARD
Tiêu chuẩn Nhật
Japanese Industrial Standards

ASTM
Tiêu chuẩn Mỹ
American Society Testing and Materials

EUROPEAN STANDARDS
Tiêu chuẩn Châu Âu
European Standards

STANDARDS Australia
Tiêu chuẩn Úc
Standards Australia

nqa
ISO 9001
ISO 9001

nqa
ISO 14001
ISO 14001

nqa
ISO 17025
ISO 17025

ĐƯỢC CẤP BỞI CÁC TỔ CHỨC

ANAB ACCREDITED

UKAS QUALITY MANAGEMENT

VICB

VINACERT INSPECTION

BẢO HÀNH TRÊN 50 NĂM

TÔN MẠ KẼM (GI Z80-Z600)



MÔ TẢ

Tôn mạ kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng kẽm nguyên chất (99%), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Nhà thép tiền chế, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.

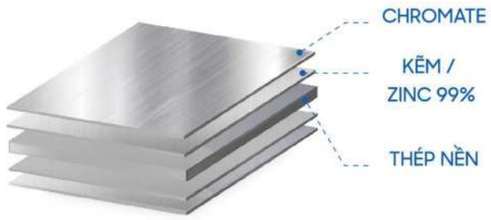

TIÊU CHUẨN

JIS G3302	SGCC, SGCD1, SGC340, SGC400, SGC440, SGC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTM A653/A653M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0.25 mm - 3.75 mm
Khổ rộng	860 mm - 1250 mm
Khối lượng lớp mạ	80 - 600 g/m²/ 2 mặt
Xử lý bề mặt	Skin pass, Non-skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT

STEEL GRADE Mác Thép	YS min, [N/mm²]	TS min, [N/mm²]	E min, [%]
CHÂU ÂU - EN 10346			
DX51D	-	270 ÷ 500	22
DX52	140 ÷ 300	270 ÷ 420	26
DX53	140 ÷ 260	270 ÷ 380	30
S220GD	220	300	20
S250GD	250	330	19
S280GD	280	360	18
S320GD	320	390	17
S350GD	350	420	16
S390GD	390	460	16
S420GD	420	480	15
S450GD	450	510	14
S550GD	550	560	-
CHÂU MỸ - ASTM A653/A653M			
CS Type A	170 ÷ 380	-	20
CS Type B	205 ÷ 380	-	20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340] Class 1	340	450	12
SS 50 [340] Class 2	340	-	12
SS 50 [340] Class 3	340	480	12
SS 50 [340] Class 4	340	410	12
SS 55 [380]	380	480	11
SS 60 [410]	410	480	10
SS 70 [480]	480	550	9
SS 80 [550] Class 1	550	570	-
SS 80 [550] Class 2	550	570	-
SS 80 [550] Class 3	550	570	3
CHÂU ÚC - AS 1397			
G250	250	320	22
G300	300	340	18
G350	350	420	14
G450	450	480	9
G500	500	520	7
G550	550	550	2
NHẬT BẢN - JIS G 3302			
SGHC	-	-	-
SGCC	-	-	-
SGC340	245	340	20
SGC400	295	400	18
SGC440	335	440	18
SGC490	365	490	16
SGC570	560	570	-

TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM (GL AZ70 - AZ200)



MÔ TẢ

Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng hợp kim (55% Nhôm, 43.5% Kẽm, 1.5% Silic), với khả năng chống ăn mòn vượt trội, lớp mạ có độ dẻo và độ bám dính tốt, đảm bảo khả năng định hình tuyệt vời cho các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Khung kèo nhẹ, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, tôn vách, tấm lợp, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.

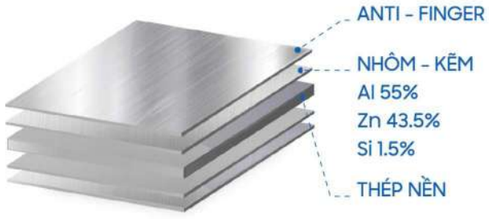

TIÊU CHUẨN

JIS G3321	SGLCC, SGLCD, SGLC400, SGLC440, SGLC490, SGLC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTMA792/A792M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0.18 mm - 2.00 mm
Khổ rộng	860 mm - 1250 mm
Khối lượng lớp mạ	50 - 200 g/m²/ 2 mặt
Xử lý bề mặt	Skin pass, Non-skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT

STEEL GRADE Mác Thép	YS min, [N/mm²]	TS min, [N/mm²]	E min, [%]
CHÂU ÂU - EN 10346			
DX51D	-	270 ÷ 500	22
DX52	140 ÷ 300	270 ÷ 420	26
DX53	140 ÷ 260	270 ÷ 420	30
S220GD	220	300	20
S250GD	250	330	19
S280GD	280	360	18
S320GD	320	390	17
S350GD	350	420	16
S390GD	390	460	16
S420GD	420	480	15
S450GD	450	510	14
S550GD	550	560	-
CHÂU MỸ - ASTM A792/A792M			
CS Type A	205 ÷ 410	-	20
CS Type B	245 ÷ 410	-	20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340] Class 1	340	450	12
SS 50 [340] Class 2	340	-	12
SS 50 [340] Class 4	340	410	12
SS 60 [410]	410	480	10
SS 70 [480]	480	550	9
SS 80 [550] Class 1	550	570	-
CHÂU ÚC - AS 1397			
G250	250	320	22
G300	300	340	18
G350	350	420	14
G450	450	480	9
G500	500	520	7
G550	550	550	2
NHẬT BẢN - JIS G 3321			
SGLCC	-	-	-
SGLC400	295	400	16 ÷ 18
SGLC440	335	440	14 ÷ 18
SGLC490	365	490	12 ÷ 16
SGLC570	560	570	-

TÔN LẠNH MÀU (PPGL AZ100 - PE 17/8)



MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn PE tiên tiến đảm bảo màu sắc duy trì lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm. Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường ôn hòa.

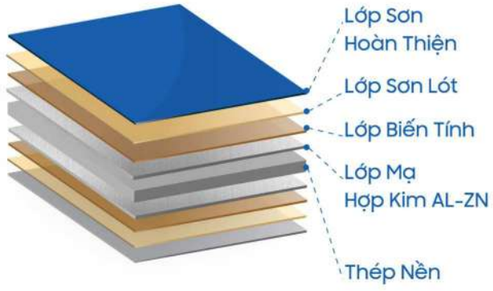

TIÊU CHUẨN

JIS G3322
ASTMA755
AS 2728
EN 10169

BẢO HÀNH

Bảo hành chống thủng 15 năm
Bảo hành toàn vẹn màng sơn 8 năm
Bảo hành phai màu sơn 5 năm

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0.20 mm - 1.20 mm
Khổ rộng	Max 1250 mm
Khối lượng lớp mạ (Al-Zn)	100g / m²/2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính / mặt lưng	17/8 µm
Xử lý bề mặt	Skin pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	12 micron
Lớp sơn lót	Polyester	5 micron
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m²
Lớp sơn lót	Polyester	4 micron
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	4 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 100g/m²/2 mặt.
*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình

TÔN LẠNH MÀU (PPGL AZ150 | PE 25/10 | SPE 25/10 | PVDF 25/12)



MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa các dòng sơn cao cấp khác nhau với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm mang lại đặc tính chống ăn mòn vượt trội và kháng bám bụi góp phần duy trì tính thẩm mỹ và hiệu quả cho công trình.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt.

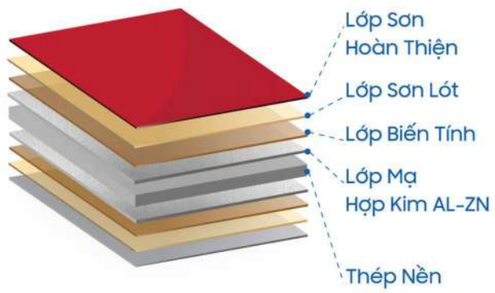

TIÊU CHUẨN

JIS G3322
ASTMA755
AS 2728
EN 10169

BẢO HÀNH

	Bảo hành chống thủng 20 năm
Sơn PE	Bảo hành toàn vẹn màng sơn 10 năm Bảo hành phai màu sơn 8 năm
Sơn SPE	Bảo hành toàn vẹn màng sơn 15 năm Bảo hành phai màu sơn 10 năm
Sơn PVDF	Bảo hành toàn vẹn màng sơn 20 năm Bảo hành phai màu sơn 20 năm

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0.20 mm - 1.20 mm
Khổ rộng	Max 1250 mm
Khối lượng lớp mạ	150g / m² / 2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính / mặt lưng	25/10 µm 25/12 µm
Xử lý bề mặt	Skin pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính	
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester / Super Polyester / PVDF
Lớp sơn lót	Polyester / Super Polyester / PVDF
Lớp biến tính	Chemical
Sơn mặt lưng	
Lớp biến tính	Chemical
Lớp sơn lót	Polyester
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 150g/m² /2 mặt.
*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.

TÔN LẠNH MÀU (PPGL AZ200 | SPE 25/10 | PVDF 25/12)



MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn SPE và PVDF đặc biệt với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm là sự lựa chọn tối ưu trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt nhất.

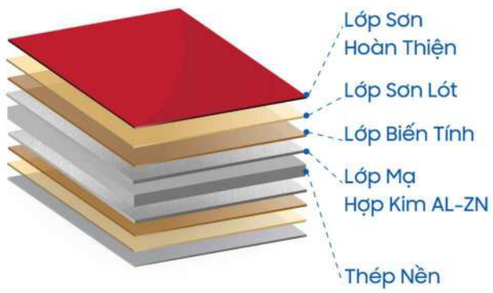

TIÊU CHUẨN

JIS G3322
ASTMA755
AS 2728
EN 10169

BẢO HÀNH

Sơn SPE	Bảo hành chống thủng 25 năm
	Bảo hành toàn vẹn màng sơn 15 năm
	Bảo hành phai màu sơn 10 năm
Sơn PVDF	Bảo hành toàn vẹn màng sơn 20 năm Bảo hành phai màu sơn 20 năm

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0.20 mm - 1.20 mm
Khổ rộng	Max 1250 mm
Khối lượng lớp mạ	200g / m² / 2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính / mặt lưng	25/10 µm 25/12 µm
Xử lý bề mặt	Skin pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện	Super Polyester / PVDF	20 micron
Lớp sơn lót	Super Polyester / PVDF	5 micron
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m²
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m²
Lớp sơn lót	Polyester	5 micron
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	7 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 200g/m²/2 mặt.
*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.

ZINMAG® - TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE



MÔ TẢ

ZINMAG®là loại thép mạ hợp kim Magie được phát triển bởi Tôn Nam Kim với sự hợp tác của đối tác MGK và Van Der Laan International Consultancy B.V.

Tôn ZINMAG® với lớp mạ độc đáo Zn-Al5%-Mg3% cung cấp một giải pháp đột phá trong việc bảo vệ chống ăn mòn bề mặt và bảo vệ mép cắt kim loại, có thể sử dụng ngay cả trong các môi trường khắt nghiệt nhất (C5) như môi trường chăn nuôi, hoá chất, vùng biển.

ỨNG DỤNG

Ứng dụng làm các công trình gần biển, vật liệu dùng để sản xuất silo, công trình chăn nuôi, thiết bị đồ gia dụng, khung đỡ pin năng lượng mặt trời, HVAC, xà gồ, sàn deck, máng xối, thanh hộ lan cao tốc,...

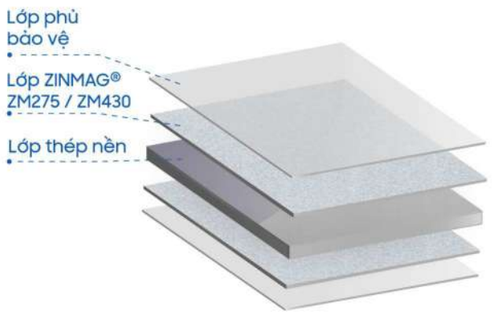

TIÊU CHUẨN

ZINMAG®	
Tiêu chuẩn	**Grade**
AS 1397	G350,...
ASTM A1046/A1046M	SS 340 Class 1/2/4,...
BS EN 10346	S350GD,...
JIS G 3323	SGMC340, SGMC570,...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số	ZINMAG®
Độ dày tôn nền (mm)	0,40 - 3,20
Khổ rộng (mm)	930 - 1260
Khối lượng lớp mạ (g/m²)	ZM120 - ZM430



ZINMAG® MÀU - TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE MÀU (SPE/ PVDF)

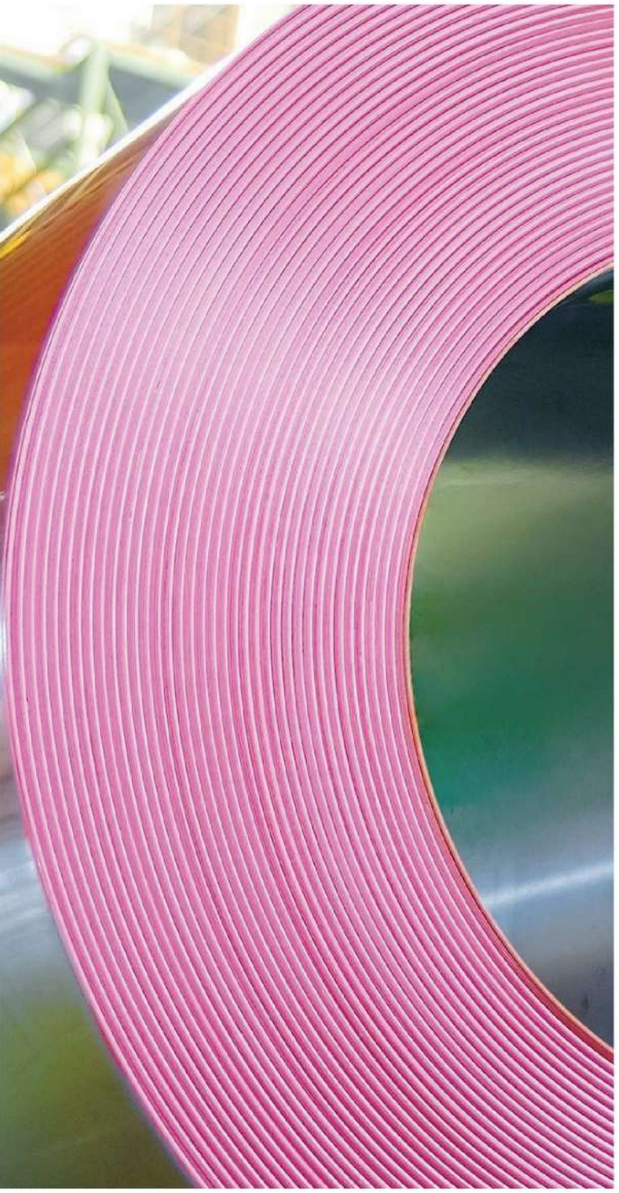

MÔ TẢ

ZINMAG®COLOR cùng với sự kết hợp lớp nền ZINMAG® 3%Mg và hệ sơn cao cấp SPE, PVDF phù hợp với đặc tính môi trường khắc nghiệt, vùng biển, chăn nuôi, hoá chất.

Tôn Nam Kim tự tin là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam phát triển bề mặt lớp mạ Zinmag® hoàn toàn không có bông vân, giúp lớp sơn đồng đều trên bề mặt, gia tăng liên kết bám dính với màng sơn và tăng tính thẩm mỹ cho sản phẩm.

ỨNG DỤNG

Ứng dụng làm Tôn lợp sóng vuông, Tôn lợp sóng tròn, Tôn lợp seamlock, Tôn lợp kliplock, Máng xối, Cửa cuốn, Bảng hiệu, Tôn giả ngói

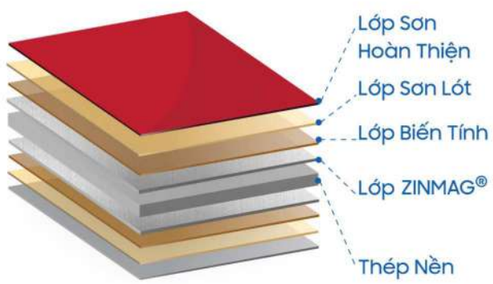

TIÊU CHUẨN

ZINMAG® COLOR

Tiêu chuẩn	Grade
AS/NZS 2728	G350, G550,...
ASTM A755/A755M	SS 340 Class 1/2/4,...
BS EN 10169	S350GD,...
-	-

	SPE	PVDF
Độ dày thép nền	0.35 mm - 1.00 mm	0.35 mm - 1.00 mm
Nền mạ	ZINMAG®3%Mg	ZINMAG®3%Mg
Khối lượng mạ	90 - 250 g/m²	150 - 250 g/m²
Tiêu chuẩn	Mỹ | Úc | Châu Âu	Mỹ | Úc | Châu Âu

Thông số	ZINMAG® COLOR
Độ dày tôn nền (mm)	0,35 - 1,00
Khổ rộng (mm)	914 - 1260
Khối lượng lớp mạ (g/m²)	ZM90 - ZM250
Hệ sơn - dày sơn	SPE hoặc PVDF - 25µm+

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

MẶT SƠN	LỚP SƠN	SPE	PVDF
Mặt sơn chính	Lớp sơn hoàn thiện	SPE, DFT ≥ 20 µm	PVDF, DFT ≥ 20 µm
	Lớp sơn lót	Primer, DFT ≥ 5 µm	Primer, DFT ≥ 5 µm
	Lớp biến tính	Chemical, 20-40mg/m²	Chemical, 20-40mg/m²
Mặt sơn lưng	Lớp biến tính	Chemical, 20-40mg/m²	Chemical, 20-40mg/m²
	Lớp sơn lót	Primer, DFT ≥ 5 µm	Primer, DFT ≥ 5 µm
	Lớp sơn lưng	PE, DFT ≥ 5 µm	PE, DFT ≥ 5 µm

ASTM A500/A500M
COATING Z80 - Z275



THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

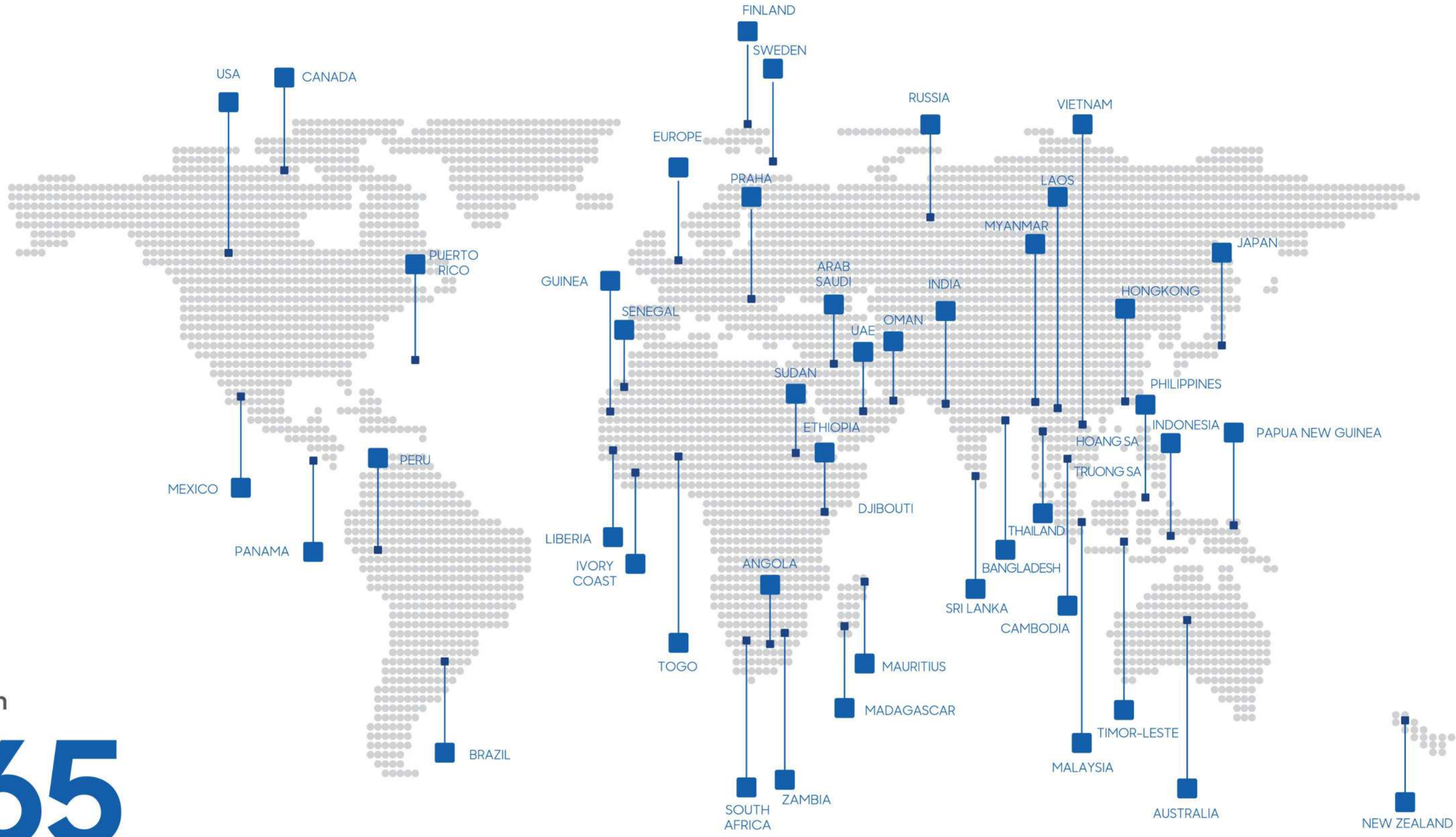

Trên

65

QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ

Hiện nay, Tôn Nam Kim đã được tin dùng tại thị trường nội địa và xuất khẩu đến hơn 65 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Úc, Mỹ, Châu Âu, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông và Châu Phi.



3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2023

Vĩ mô 2023 57
Ngành thép 2023 61
Tôn Nam Kim 2023 63
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 66

Tối ưu hóa giá trị sử dụng trên nền tảng công nghệ

VĨ MÔ 2023

KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2023 – LÃI SUẤT TĂNG CAO, LẠM PHÁT HẠ NHIỆT, CHIẾN TRANH CHƯA CÓ DẤU HIỆU CHẤM DỨT

Năm 2023 kinh tế toàn cầu bao phủ bởi hai cụm từ, bao gồm "Lạm phát" và "Tăng lãi suất". Trong bối cảnh cuộc chiến giữa Nga và Ukraine đã khiến lạm phát toàn cầu tăng mạnh, các Ngân hàng trung ương (NHTW) trên khắp thế giới đều đồng loạt tăng lãi suất điều hành nhằm kiềm chế lạm phát. Điển hình như Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB) đã nâng lãi suất 10 lần liên tục lên mức 4%/năm vào tháng 9/2023, cao nhất trong vòng 25 năm qua. Hay như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), vào tháng 7/2023 đã tăng lãi suất lên mức từ 5,25% - 5,5%, cao nhất trong 22 năm qua.

Trong năm 2022, theo số liệu Worldbank mức tăng trưởng GDP toàn cầu chỉ đạt 2,9%, trong khi lạm phát toàn cầu ước tính đã tăng lên mức kỷ lục là 9,2%, cao nhất trong vòng 25 năm qua. Dưới các nỗ lực của các NHTW, lạm phát trong năm 2023 đã hạ về mức 5,6% và dự đoán sẽ về mức 3,2% trong năm 2024. Tuy nhiên, việc tăng lãi suất vay thực tế sẽ trở nên mắc hơn, trực tiếp khiến sức mua toàn cầu suy giảm. Tiêu biểu nhất, theo Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), hoạt động thương mại trên toàn cầu ước tính giảm 1,5 nghìn tỷ USD, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2022.

Ngoài ra, những rủi ro về chiến tranh vẫn là mối lo thường trực của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là xung đột ở Biển Đỏ của Houthi. Tất cả đã làm chậm đi quá trình hồi phục của nền kinh tế thế giới. Theo ước tính của Quỹ Tiền tệ Quốc Tế (IMF), tăng trưởng kinh tế năm 2023 ước đạt khoảng 3%, tương đồng với mức ước tính của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) là 3,1%.



KINH TẾ THẾ GIỚI 2024 – HẠ CÁNH MỀM NHƯNG XUNG ĐỘT TOÀN CẦU VẪN LÀ RỦI RO TIỀM TÀNG CHO SUY THOÁI

Nhìn chung, kinh tế thế giới theo triển vọng của các tổ chức kinh tế và định chế tài chính đều cho thấy việc lạm phát toàn cầu hạ nhiệt, kinh tế toàn cầu vẫn tăng trưởng, dù khiêm tốn nhưng đã thể hiện rằng rủi ro kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái là khá ít. Trong đó, các thị trường lớn như Châu Âu và Bắc Mỹ đã bắt đầu có các đơn đặt hàng mới sau khi bán hết lượng hàng tồn kho của năm 2023. Theo OECD và IMF, dự báo mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 lần lượt đạt 3,1% và 2,9%, trong đó lạm phát toàn cầu sẽ ở mức 4,9% (loại trừ nền kinh tế Argentina).

TRUNG QUỐC VÀ CHÂU ÂU TÌM CÁCH TÁI ĐỊNH HÌNH CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ

NỀN KINH TẾ TRUNG QUỐC – LOAY HOAY THOÁT KHỎI CUỘC SUY THOÁI BẤT ĐỘNG SẢN

Từ tháng 8/2020, Trung Quốc đưa ra chính sách "Ba lằn ranh đỏ" nhằm kiểm soát "Bất động sản". Ngay lập tức, lĩnh vực địa ốc của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới chìm vào khủng hoảng từ năm 2021, trong nỗ lực tái cấu trúc nền kinh tế của Bắc Kinh nhằm đưa nền kinh tế giảm bớt lệ thuộc vào bất động sản. Lĩnh vực nhà đất cùng với những ngành liên quan như sắt thép, xi măng, nhôm kính... chiếm khoảng 20% tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Trung Quốc.

Ngân hàng Mỹ Goldman Sachs ước tính cuộc khủng hoảng bất động sản sẽ khiến tăng trưởng GDP của Trung Quốc mất đi 1,5 điểm phần trăm trong năm 2023. Cuộc khủng hoảng này cũng khiến các chính quyền địa phương, lực lượng chiếm phần lớn trong chi tiêu công ở Trung Quốc có ít ngân sách hơn cho việc chi tiêu, vì các địa phương phụ thuộc nhiều vào thu ngân sách từ thuế nhà đất và cấp quyền sử dụng đất. Bởi vậy, việc các địa phương giảm chi tiêu có thể dẫn tới tăng trưởng GDP Trung Quốc trong nửa đầu năm nay mất đi 1 điểm phần trăm, theo ước tính của Ngân hàng Thuỵ Sỹ UBS.

Ngoài ra, xuất khẩu là một đầu tàu khác của kinh tế Trung Quốc đang giảm với tốc độ hai con số. Tăng trưởng thu nhập của người lao động nước này đang chậm lại, giữa lúc tỷ lệ thất nghiệp còn cao, nhất là ở lao động trẻ, đồng nghĩa niềm tin của người tiêu dùng giảm xuống mức thấp.

Trong năm 2024, nền kinh tế Trung Quốc theo dự báo sẽ hồi phục nhưng liệu có thể đạt được mức 5% như kỳ vọng của Bắc Kinh vẫn còn là một dấu hỏi lớn, trong bối cảnh sức tiêu thụ trong nước lẫn toàn cầu chưa có dấu hiệu tăng trưởng mạnh mẽ trở lại.

Hình 1: Diễn biến một số giá cả của Trung Quốc hàng tháng so với cùng kỳ năm trước

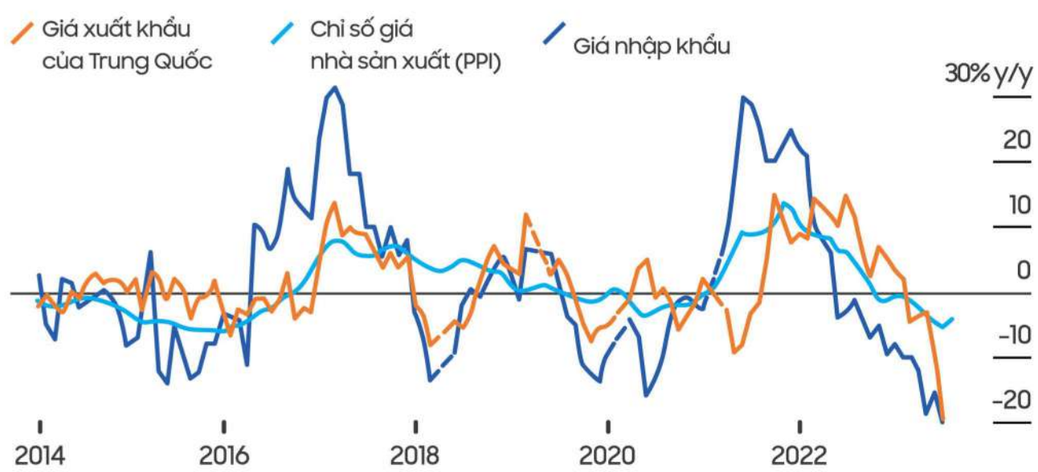

Nguồn: Hải quan, Tổng cục Thống kê Trung Quốc/Bloomberg

KINH TẾ CHÂU ÂU DÙ TRÌ TRỆ NHƯNG LẠM PHÁT ĐÃ HẠ NHIỆT

Trên toàn khối EU, theo ước tính của ECB tỷ lệ lạm phát vào năm 2023 sẽ là 6,5% và dự kiến sẽ giảm xuống 3,5% vào năm 2024 và 2,4% vào năm 2025. Tác động chính khiến lạm phát giảm là giá năng lượng giảm. Nhưng trái ngược với nền kinh tế Mỹ, Châu Âu đang chịu tác động lớn hơn bởi xu hướng tiêu dùng người dân đang thắt chặt chi tiêu, cộng hưởng với những bất ổn về chính trị đã khiến mức tăng trưởng của Eurozone ở mức quanh 0% trong nửa cuối năm 2023.

Dù vậy trong khối Eurozone vẫn còn những điểm sáng khi các nền kinh tế lớn còn lại trong " bộ tứ " là Ý và Tây Ban Nha tăng trưởng lần lượt 0,2% và 0,6%. Tuy nhiên, điều này chỉ giúp Eurozone tránh được suy thoái trong gang tấc vào cuối năm ngoái. Sau khi sụt giảm 0,1% vào quý III, Eurozone tăng trưởng 0% vào quý IV/2023.

ECB đã nhấn mạnh chừng nào tỷ lệ lạm phát chưa quay trở lại mức an toàn là dưới 2% thì chính sách này vẫn sẽ được áp dụng. Do đó, IMF đánh giá kinh tế khu vực này sẽ chỉ tăng trưởng 0,8% - 0,9% trong năm nay trước khi hồi phục ở mức 1,6% - 1,7% vào năm 2025.

VĨ MÔ 2023

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ TRONG TẦM KIỂM SOÁT NHƯNG SỰ PHỤC HỒI CHƯA NHANH NHƯ KÌ VỌNG

Năm 2023, lạm phát bình quân của Việt Nam tăng 3,25%, đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát ở mức 4,5%. Giá lương thực, thực phẩm trong nước được kiểm soát tốt nhờ nguồn cung dồi dào. Trong khi nhiều quốc gia trên thế giới vẫn đang vật lộn với tình hình giá lương thực, thực phẩm trong nước tăng cao (Châu Âu tăng 7,5%, Pháp tăng 7,8%, Đức tăng 6,36%, Nhật tăng 8,6%, Hàn Quốc tăng 6,5%, Ấn Độ tăng 6,6%) do nhiều nguyên nhân. Ở Việt Nam, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống lại có mức tăng thấp hơn nhiều, bình quân 3,44% (trong đó, thực phẩm tươi sống chỉ tăng 2,33%), hỗ trợ tích cực trong kết quả thành công kiểm soát lạm phát. Trong năm 2023, giá lương thực, thực phẩm trong nước duy trì khá ổn định do nguồn cung dồi dào dưới tác động tổng hợp của nhiều yếu tố như sức cầu trong nước không tăng đột biến, thời tiết tương đối thuận lợi, giá phân bón ít biến động, giá thức ăn chăn nuôi giảm, số lượng đàn gia súc gia cầm tăng, Việt Nam sản xuất được vắc-xin kiểm soát dịch tả lợn Châu Phi. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm (VA) năm 2023 ngành nông nghiệp đạt tới 3,83%, cao nhất so với cùng kỳ kể từ 2011 đến nay, đóng góp 8,84% tăng trưởng chung, cao hơn mức kế hoạch 3% đặt ra đối với ngành nông nghiệp 2023. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản là 53,01 tỷ USD (đạt 99% so với kế hoạch), nhưng xuất siêu năm 2023 đạt mức kỷ lục 12,07 tỷ USD, tăng 43,7% chiếm trên 42,5% xuất siêu cả nước. Một số mặt hàng xuất khẩu tăng cao kỷ lục như: hàng rau quả đạt 5,69 tỷ USD, tăng 69,2%; gạo đạt 4,78 tỷ USD, tăng 38,4%.

Hình 2: Các hiệp định thương mại Việt Nam ký kết cho đến hết năm 2023

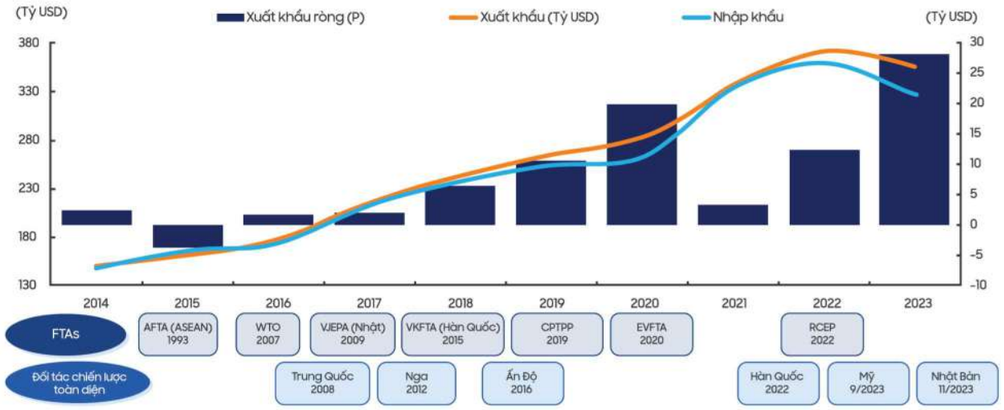

Nguồn: MAS Research, GSO, Tuoitre

Ngành công nghiệp

3,02%

Tốc độ tăng trưởng

chỉ đạt tốc độ tăng trưởng 3,02%, thấp khá nhiều so với chỉ tiêu đặt ra của năm 2023 (9,5% - 10%), thấp hơn cả những năm đại dịch Covid-19, thậm chí thấp hơn cả tốc độ tăng trưởng nông nghiệp (đạt 3,88%). Tốc độ tăng trưởng quá chậm của toàn ngành công nghiệp là do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (ngành đóng vai trò chủ lực của công nghiệp) chỉ đạt tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm 3,62%, bằng xấp xỉ 45% tốc độ tăng trưởng của năm 2022. Nhiều sản phẩm công nghiệp chế biến chế tạo có chỉ số IIP (chỉ số sản xuất công nghiệp) giảm đi so với năm trước, trong đó tập trung nhiều vào các sản phẩm có liên quan đến trao đổi thương mại với thị trường bên ngoài. Sản phẩm của các doanh nghiệp FDI, ví dụ sản xuất xe có động cơ giảm 3% và các phương tiện vận tải khác giảm 11%; sản phẩm điện tử, máy tính giảm 1,8%, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 4,2%. Giá trị GDP ngành chế biến chế tạo chỉ còn chiếm 22,9% trong GDP nền kinh tế, không đạt so với kế hoạch đặt ra (25,5%) và thấp hơn so với năm 2022 (24%).

Ngành thương mại - dịch vụ

6,82%

Tốc độ tăng trưởng

cũng chỉ đạt tốc độ tăng trưởng 6,82%, thấp nhất trong thời gian từ năm 2011 trở lại đây (trừ 2 năm đại dịch covid-19), chỉ bằng 65% năm 2022 và không đạt mục tiêu Kế hoạch đặt ra cho năm 2023 (8% - 9%). Trong sự giảm sút tăng trưởng ngành thương mại - dịch vụ, phải kể đến thương mại trao đổi hàng hóa và dịch vụ với thị trường quốc tế, có tốc độ tăng trưởng âm. Tính chung năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm 4,4% so với cùng kỳ năm trước và đây chính là năm ghi nhận xuất khẩu tăng trưởng âm lần đầu tiên kể từ năm 2009 - năm chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng khoảng kinh tế - tài chính thế giới.

Hình 3: FDI vào Trung Quốc ở mức thấp trong vòng 10 năm trở lại đây

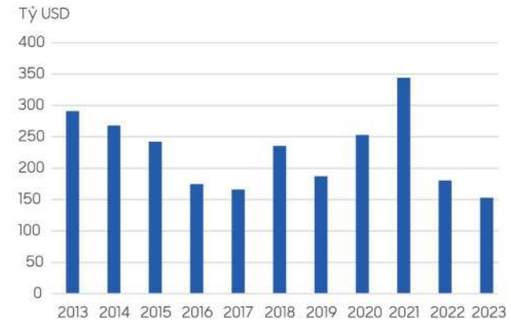

Hình 4: Đăng ký FDI vào Việt Nam theo ngành nghề

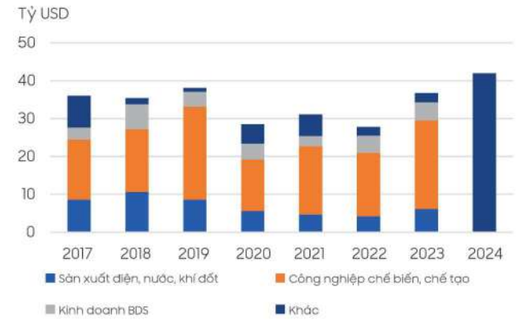

Nguồn: MAS Research, Bloomberg

LUẬT BẤT ĐỘNG SẢN BAN HÀNH TẠO TIỀN ĐỀ CHO THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN BỀN VỮNG

Năm 2023, việc sửa đổi 3 luật lớn bao gồm: Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Đất đai được đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến thị trường địa ốc. Bởi lẽ, nhiều vướng mắc này sinh trước đó được kỳ vọng với quy định mới trong các luật sẽ được giải quyết. Trên cơ sở này, thị trường địa ốc sẽ phát triển theo chiều hướng lành mạnh và ổn định, hạn chế đầu cơ.

TRIỂN VỌNG NĂM 2024: CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT DẪN ĐẦU XU HƯỚNG PHỤC HỒI

Trong bối cảnh dự báo lạm phát toàn cầu giảm xuống dưới 5%/năm đã kích thích sự phục hồi đơn hàng trên toàn cầu, trực tiếp thúc đẩy quá trình hồi phục của nền kinh tế Việt Nam. Trong đó, dựa trên báo cáo của Bộ Công Thương, ba lĩnh vực được kỳ vọng dẫn dắt hồi phục, bao gồm: (1) Thủy sản (2) Công nghiệp ICT (3) Linh kiện ô tô. Các ngành công nghiệp và dịch vụ của Việt Nam cũng kỳ vọng hồi phục nhưng tốc độ sẽ chậm hơn do nhu cầu tiêu dùng ở các mảng này chưa bùng nổ. Vốn FDI cũng sẽ tiếp tục được kỳ vọng tăng trưởng trong năm 2024, hưởng lợi từ các dòng vốn FDI không còn chọn Trung Quốc làm địa điểm đầu tư nhà máy. Tổng kết, dù còn nhiều khó khăn trong quá trình phục hồi và cấu trúc lại cơ cấu nền kinh tế, các tổ chức tài chính vẫn dự đoán tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 sẽ ở mức từ 6,5% - 7%, là một trong những quốc gia tăng trưởng kinh tế nhanh nhất trong khu vực.

Hình 5: Dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2024 theo các định chế tài chính (%)

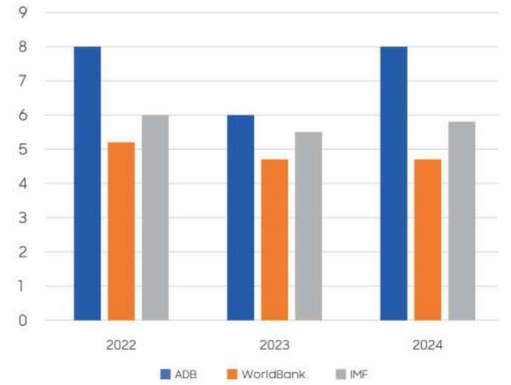

Hình 6: Vốn đầu tư công và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công qua các năm giai đoạn 2015 - 2023

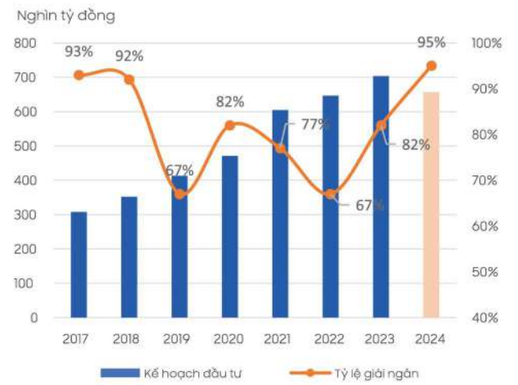

Nguồn: MAS Research, IMF, Worldbank Việt Nam, GSO

NGÀNH THÉP 2023

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN TIẾP TỤC SUY GIẢM NHƯNG DỰ ĐOÁN SẼ CẢI THIỆN TỪ 2024

Theo báo cáo của Hội Môi giới Bất động sản Việt Nam (VARS), trong năm 2023 nguồn cung bất động sản nhà ở thương mại vẫn còn rất khan hiếm. Tổng nguồn cung nhà ở năm 2023 đạt khoảng 55.329 sản phẩm, tăng khoảng 14% so với tổng lượng sản phẩm chào bán năm 2022 nhưng vẫn chỉ bằng 32% so với năm 2018, năm chưa xảy ra đại dịch (180.000 sản phẩm). Nhìn chung, trong năm 2023, thị trường bất động sản tiếp tục một năm cực kỳ khó khăn, việc đầu tư các dự án hầu như đều chững lại, khiến cho ngành xây dựng dân dụng và các ngành liên quan đều sụt giảm doanh thu mạnh trong năm 2023.

Điểm sáng nhất của thị trường bất động sản nằm ở việc cơ chế đã dần được tháo gỡ, đặc biệt Luật Đất đai sửa đổi đã được thông qua vào tháng 11/2023. Dự báo về thị trường bất động sản 2024, khoảng 20 cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ thị trường bất động sản đã được ban hành trong năm 2023 sẽ có độ ngấm và phát huy tác động tích cực tới thị trường bất động sản trong năm 2024, qua đó trực tiếp thúc đẩy tiêu thụ sản lượng thép.

SẢN LƯỢNG NGÀNH THÉP VIỆT NAM NĂM 2023 – LẠI THÊM MỘT NĂM TRẦM LẮNG

Thị trường nội địa ngành thép năm 2023 không nằm ngoài sự ảnh hưởng của sự đóng băng của thị trường bất động sản và suy thoái kinh tế. Theo thống kê của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA). Sản xuất thép thô cả năm 2023 ước đạt gần 19 triệu tấn, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm 2022. Sản xuất thép thành phẩm năm 2023 ước đạt hơn 27 triệu tấn, giảm 8% so với năm trước. Năm 2023, sản xuất thép thành phẩm đạt 27,76 triệu tấn, giảm 5% so với năm 2022. Bán hàng thép thành phẩm đạt gần 26,3 triệu tấn, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 8 triệu tấn, tăng 29% so với cùng kỳ.

Xét riêng về thị trường nội địa, sản xuất thép xây dựng và thép cán nguội năm 2023 ghi nhận sản lượng giảm hai chữ số, lần lượt đạt 10,6 triệu tấn (-12,2% so với cùng kỳ) và 3,3 triệu tấn (-15% so với cùng kỳ). Ở chiều ngược lại thị trường xuất khẩu tăng trưởng rất mạnh chủ yếu đến từ việc thị trường nội địa suy yếu khiến hai nhà sản xuất HRC của Việt Nam là Formosa và Hòa Phát tăng cường xuất khẩu. Trong đó sản lượng HRC xuất khẩu năm 2023 đạt đến 3,4 triệu tấn (+161% so với cùng kỳ). Sản lượng xuất khẩu mảng tôn mạ hồi phục tiếp theo sau ở mức khiêm tốn hơn, đạt 2,2 triệu tấn trong năm 2023 (+6,5% so với cùng kỳ).

ĐẦU TƯ CÔNG VÀ FDI TIẾP TỤC LÀ ĐIỂM SÁNG

Cho đến ngày 31/12/2023, ước tính giải ngân đầu tư công đạt 579.848,8 tỷ đồng, đạt 73,5% kế hoạch (đạt 81,87% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao) (cùng kỳ năm 2022 đạt 67,27% kế hoạch và đạt 75,11% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Rất nhiều các dự án trọng điểm về hạ tầng và cao tốc liên tục được khởi công, qua đó đã giúp cải thiện mạnh sản lượng tiêu thụ thép của Việt Nam trong quý IV/2023. Việc các hạ tầng quan trọng tiếp tục được xây dựng, ngoài ý nghĩa thúc đẩy đầu tư cũng sẽ hình thành nên các quỹ đất mới, trực tiếp giúp ngành bất động sản vượt qua khó khăn nhanh hơn, đặc biệt tiêu biểu như Dự án Vành đai 3 của TP. Hồ Chí Minh, dự kiến đã trực tiếp tạo thêm 2.500ha quỹ đất mới cho cả dân cư lẫn sản xuất công nghiệp.

Năm 2023, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt hơn 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ. Đáng lưu ý, năm 2023 cũng ghi nhận mức vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài tăng 3,5% so với cùng kỳ, ước đạt hơn 23,1 tỷ USD, là mức cao nhất từ trước đến nay. Đây là tín hiệu tích cực cho sự phục hồi khi các ngành đầu tư mới vào Việt Nam đã chú trọng hơn rất nhiều về chất lượng, trọng tâm thu hút cũng nằm ở các ngành nghề như điện tử, bán dẫn ..., vốn có đóng góp lớn hơn về thu nhập chung của xã hội so với các ngành nghề thu hút FDI truyền thống như dệt may, lắp ráp linh kiện ... .

Hình 1: Diễn biến lượng và giá thép nhập khẩu vào Việt Nam giai đoạn 2022-2023

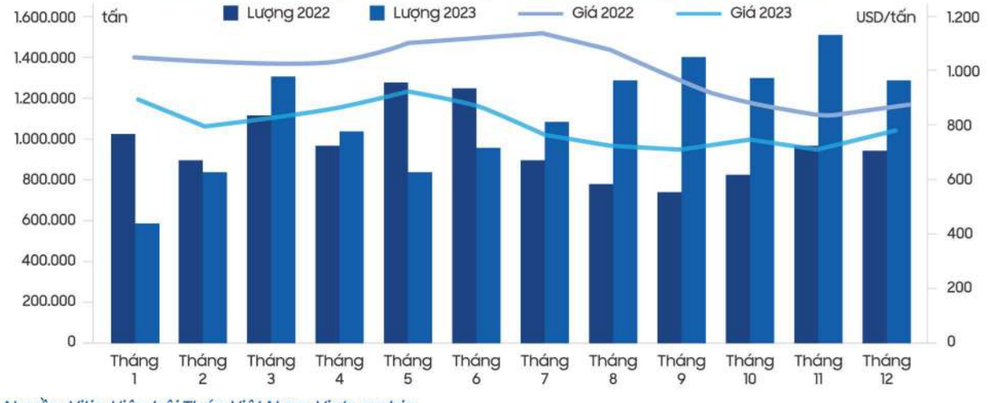

Nguồn: Vitic, Hiệp hội Thép Việt Nam, Vietnambiz

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI VÀ XUẤT KHẨU

Theo thống kê của Worldsteel, năm 2023 tiếp tục là một năm sản lượng thép toàn cầu không tăng. Cụ thể, sản lượng ngành thép thế giới đạt 1,849 tỷ tấn (-0,1% so với cùng kỳ). Trừ Ấn Độ và Nga, sản lượng của các nước sản xuất thép lớn nhất trên thế giới như Pháp, các nước khối EU, Nhật Bản ... đều sụt giảm trong năm 2023. Điểm sáng lớn nhất trong năm 2023 đến từ Ấn Độ, quốc gia đông dân nhất trên thế giới. Ấn Độ được kỳ vọng sản lượng năm 2023 có thể đạt 138 triệu tấn (+11% so với cùng kỳ) nhờ chính sách thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng khổng lồ. Tuy nhiên, trong vòng 5 năm tới, Ấn Độ cũng đồng thời tăng sản lượng thép nội địa lên thêm 20 – 30 triệu tấn, tạo sức ép dư cung lên bàn đồ thép toàn cầu. Sản lượng thép trên toàn cầu dự kiến trong năm 2024 sẽ hồi phục ở mức rất nhẹ, dưới 2% do áp lực từ thắt chặt chi tiêu và nền lãi suất cao trên toàn cầu vẫn còn là hiện hữu.

GIÁ QUẶNG SẮT VÀ THAN CỐC

Quặng sắt: Theo số liệu của Steel Radar, dự phòng lượng cung quặng sắt cung cấp năm 2023 đạt 2,2 tỷ tấn, tương đương với cùng kỳ năm 2022. Trong kế hoạch chung của các công ty sản xuất quặng sắt lớn trên thế giới, các công ty đều cố gắng không mở thêm mỏ mới nhằm giữ giá quặng sắt không rớt quá sâu dưới USD 100/tấn và cố gắng kiểm soát mức tăng sản lượng quặng sắt ở mức thấp, từ 2% - 3% trong giai đoạn 2024 - 2027. Tổng sản lượng khai thác dự kiến của ba nhà xuất khẩu quặng sắt lớn nhất thế giới là Tio Rio Tinto, Vale và FMG, ước đạt 831 triệu tấn (+2% so với cùng kỳ) trong năm 2023. Tuy nhiên do nhu cầu thép trên thế giới không tăng mạnh nên giá dự phòng giá quặng sắt trong năm 2024 có thể tiếp tục hạ dần về mức USD 80/tấn.

Than cốc: Riêng với than cốc, xu hướng giảm giá được dự báo sẽ tiếp tục duy trì giảm không chỉ trong năm 2024 mà còn trong các thập kỷ tiếp theo. Nguyên nhân chính đến từ việc hiện nay các nước đều trong quá trình giảm phát thải CO2 và cố gắng đánh thuế carbon. Theo khảo sát ở thị trường Châu Âu vào tháng 11/2023, giá 1 tấn phát thải carbon đã lên mức 92 euro/tấn, cao gần gấp đôi so với năm 2022. Đồng thời, từ năm 2026 EU sẽ chính thức áp thuế carbon lên các sản phẩm nhập khẩu ngoài EU dẫn đến việc xu hướng giảm sử dụng than trên toàn cầu. Hiện nay giá than luyện cốc đã giảm về mức USD 200/tấn, giảm 60% so với đỉnh năm 2022.

GIÁ HRC TOÀN CẦU DỰ BÁO TIẾP TỤC GIẢM TRONG NĂM 2024

Do ảnh hưởng của cuộc suy thoái bất động sản ở Trung Quốc, tỷ lệ hoạt động/công suất các nhà máy ở Trung Quốc tiếp tục chỉ duy trì quanh mức 81 - 82%. Ngoài ra, dưới áp lực của các khoản thuế carbon, chi phí nhân công tăng cao đã khiến cho các nhà sản xuất hầu như sản xuất dưới giá vốn. Theo ước tính của S&P Global, trên mỗi tấn HRC sản xuất ra năm 2023, các nhà sản xuất thép Trung Quốc lỗ từ USD 25 – 30/tấn, qua đó trực tiếp kéo theo giá HRC tiếp tục giảm mạnh và khó có thể đảo ngược xu hướng trong ngắn hạn trong bối cảnh các nhà sản xuất Trung Quốc có khả năng huy động thêm ít nhất 10% - 15% sản lượng HRC hiện tại.

Hình 2: Chênh lệch giữa giá HRC Trung Quốc và Mỹ giai đoạn 2019 - T12/2023

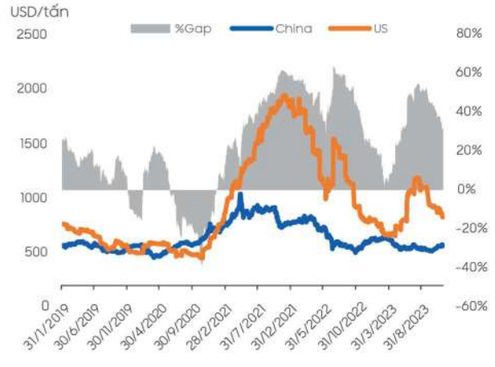

Hình 3: Giá quặng sắt tại cảng Shanghai giai đoạn 2018 - 03/2024

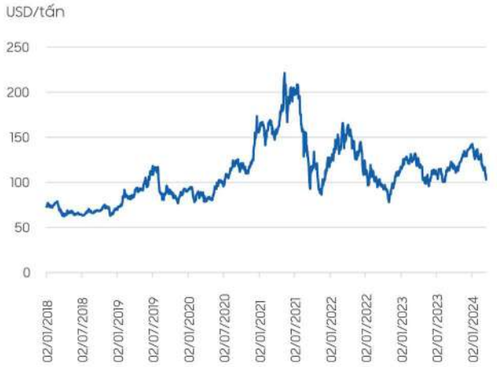

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam, Reuters

TÔN NAM KIM 2023

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2023, ngành thép Việt Nam vẫn đối diện với vô vàn khó khăn, đặc biệt áp lực cạnh tranh từ các đối thủ nước ngoài. Tuy nhiên, giá HRC trong nửa cuối năm 2023 có sự biến động vừa phải trong biên độ từ USD 540/tấn – USD 600/tấn đã giúp hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định hơn. Nhưng nhu cầu tiêu thụ thép toàn cầu đều thắt chặt lại đã dẫn đến sự cạnh tranh về giá gay gắt, đặc biệt đến từ các đến từ Trung Quốc, sẵn sàng bán ở mức hòa vốn trong bối cảnh bất động sản Trung Quốc suy thoái.

Đứng trước bối cảnh đầy khó khăn, Ban lãnh đạo Công ty đã theo sát và tiết giảm chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp năm 2023 xuống mức 739 tỷ đồng (-47% so với cùng kỳ). Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế của Tôn Nam Kim năm 2023 đã đạt 177 tỷ (so với âm 106 tỷ trong năm 2022), dù chỉ đạt 44% so với kế hoạch nhưng là mức rất đáng khích lệ trong bối cảnh hiện nay. Công ty vẫn tiếp tục một bảng cân đối kế toán lành mạnh khi không có nợ dài hạn, các chỉ số an toàn về vốn đều tăng cao, đặc biệt đã giảm thời gian thu tiền mặt từ 98 ngày trong năm 2022 xuống 87 ngày trong năm 2023. Sản lượng bán hàng mảng tôn mạ đạt 722.516 tấn, tăng 2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, mảng ống thép chịu ảnh hưởng từ thị trường bất động sản trong nước suy giảm, dẫn đến sản lượng tiêu thụ năm 2023 giảm về mức 138.712 tấn, giảm 18% so với cùng kỳ.

Tổng kết cho năm 2023, kết quả kinh doanh chưa đạt được như kỳ vọng có đến từ nhiều nguyên nhân, trong đó:

- Giá HRC tiếp tục giảm khiến cho Công ty vẫn phải duy trì trích lập dự phòng 130 tỷ đồng trong năm 2023.
- Thị trường bất động sản trong nước đóng băng.
- Thắt chặt chi tiêu toàn cầu trong bối cảnh nền lãi suất trên thế giới duy trì ở mức cao.
- Các đối thủ cạnh tranh gay gắt, sẵn sàng bán phá giá.

Nhưng trong những điểm chưa hoàn thành, Công ty đã có những điểm sáng hết sức khích lệ như:

- Hệ thống quản trị vận hành tích hợp nền tảng ERP – SAP S/4 HANA được vận hành tối ưu, giúp Công ty luôn giữ vững nhịp độ sản xuất ổn định, ít hao phí.
- Tiếp tục giữ được các thị trường xuất khẩu chính như EU, Bắc Mỹ và đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ra các thị trường mới như Trung Mỹ, duy trì tốt thị phần ở ASEAN.
- Thành công xuất khẩu sản phẩm Zinmag vào thị trường Châu Úc, tạo tiền đề để xuất khẩu dòng sản phẩm cao cấp của Tôn Nam Kim vào thị trường Châu Âu và Bắc Mỹ năm 2024.
- Cải thiện mạnh dòng tiền hoạt động sản xuất kinh doanh, giữ bảng cân đối kế toán lành mạnh.

Năm 2023, Tôn Nam Kim tiếp tục ổn định sản xuất, duy trì mối quan hệ với các đại lý cùng phát triển thị trường xuất khẩu. Đồng thời Công ty chủ động tìm thêm thị trường mới. Tầm nhìn tới năm 2027, hướng tới sản xuất các dòng sản phẩm CRC cao cấp phục vụ cho ngành sản xuất đồ gia dụng.

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	KH 2023	TH 2022	TH 2023	% TH 2023 /KH2023	% Thay đổi 2022/TH2023
Tổng doanh thu	20.000	23.128	18.621	93%	-19,5%
Tổng sản lượng (tấn)	940.000	875.300	861.228	91%	-1,7%
Lợi nhuận trước thuế	400	(106,9)	177,3	44%	NA
Biên lợi nhuận trước thuế (%)	2,0%	-0,46%	0,95%	47,6%	NA

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến hết năm 2023, Tôn Nam Kim có 1.336 CBCNV đang làm việc. Do đặc tính ngành nghề, số lượng nam giới chiếm đa số, 90% tổng số lượng CBCNV. Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động về đào tạo sản phẩm, về kiến thức chuyên môn cho toàn thể CBCNV. Ngoài ra, Công ty rất chú trọng đến tính an toàn trong làm việc cũng như đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động. Đặc biệt, bộ phận quản trị rủi ro của Công ty rất chú trọng việc đảm bảo an toàn lao động và thực hiện đúng các nguyên tắc phòng cháy chữa cháy, đặc biệt ở các CBCNV trực tiếp sản xuất.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Tiếp nối những thành quả trong năm 2022, Công ty tiếp tục chiến lược gia tăng sức khỏe tài chính nội tại thông qua việc duy trì bảng cân đối lành mạnh, tìm kiếm các nguồn vay ngắn hạn có lãi suất ưu đãi hơn. Tôn Nam Kim hiện nay không còn nợ dài hạn. Chỉ trong vòng 5 năm, từ năm 2018 - 2022, Tôn Nam Kim đã hoàn tất thanh toán hơn 1.200 tỷ nợ dài hạn. Trong năm 2023, Tôn Nam Kim đã tạm thời ngưng triển khai dự án xây dựng Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ trong bối cảnh lãi suất cao và thị trường tiêu thụ chưa thực sự tốt. Tỷ lệ hàng tồn kho/tổng tài sản giảm xuống mức 47% trong năm 2023 (so với mức 54% trong năm 2022).

Cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu

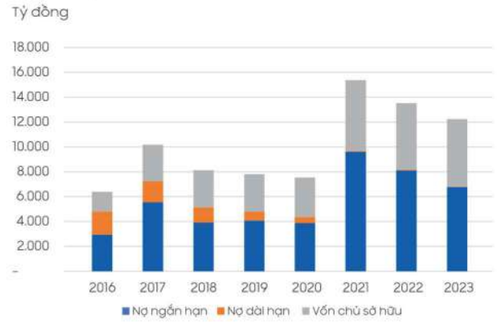

Tương quan giữa tài sản ngắn hạn, dài hạn và hàng tồn kho

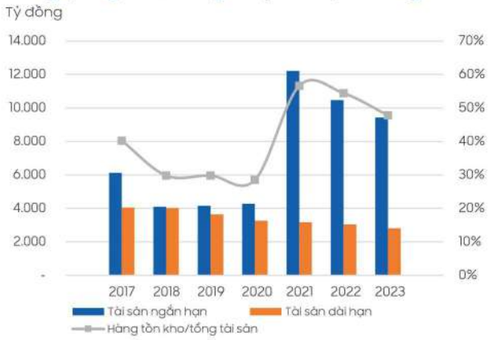

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản trong năm 2023 tiếp tục giữ ổn định, giảm nhẹ về mức 56% từ mức so với mức 60% năm 2022. Ngoài ra, Tôn Nam Kim cũng đã thu ngắn thời gian vòng quay tiền mặt từ mức 98 ngày về 87 ngày để tăng tính thanh khoản. Vốn chủ sở hữu của Tôn Nam Kim kết thúc năm 2023 đạt 5.423 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận giữ lại đạt 1.731 tỷ đồng. Trong định hướng tương lai giai đoạn 2024 – 2027, Tôn Nam Kim sẽ hạn chế chia cổ tức tiền mặt để tập trung cho Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ có tổng mức đầu tư dự kiến là 4.500 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn chủ/vốn vay dự kiến là 30/70.

Tỷ suất lợi nhuận của Tôn Nam Kim giai đoạn 2017 - 2023

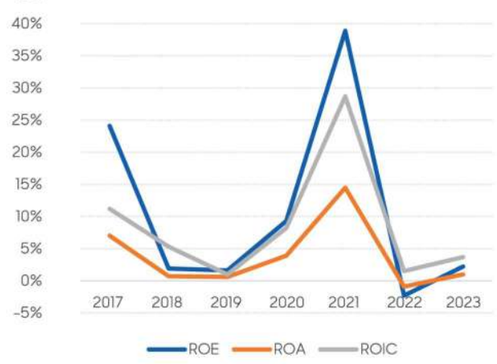

Tỷ lệ nợ và khả năng thanh toán lãi vay qua các năm

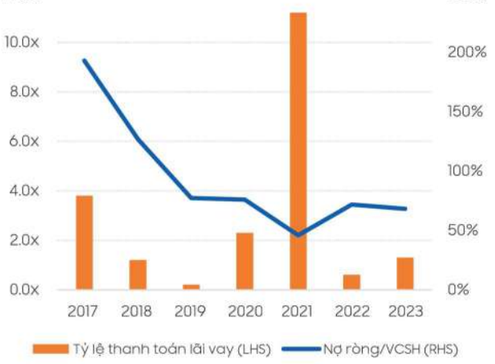

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2023 hầu hết các chỉ số về năng lực hoạt động của Tôn Nam Kim đều có sự cải thiện. Đặc biệt, nhờ kiểm soát tốt chi phí, khả năng thanh toán lãi vay của Tôn Nam Kim đã quay trở lại mức dương là 0.6x (so với âm 0.4x trong 2022). Ngoài ra, vòng quay hàng tồn kho cũng rút xuống 100 ngày trong năm 2023 (so với 124 ngày trong năm 2022), đã giúp vòng quay tiền mặt của Tôn Nam Kim rút ngắn về mức 87 ngày. Tất cả các chỉ số về biên lợi nhuận của Tôn Nam Kim trong năm 2023 cũng quay trở về mức dương, tuy còn khá mỏng nhưng sẽ dần cải thiện trong năm 2024 khi thị trường xây dựng trong nước lẫn xuất khẩu dần hồi phục.

Nhờ tiết giảm tốt các chi phí hoạt động, bất chấp việc phải cạnh tranh với các đối thủ bán phá giá, Tôn Nam Kim đã ghi nhận được lợi nhuận trước thuế năm 2023 ở mức 177 tỷ đồng (so với âm 106 tỷ năm 2022). Ngoài ra, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đã quay về mức dương 268 tỷ đồng (so với âm 827 tỷ đồng năm 2022), qua đó củng cố thêm sức mạnh bảng cân đối kế toán của Công ty.

TÔN NAM KIM 2023

CHỈ TIÊU VỀ SINH LỜI

Nhờ tăng cường quản lý hàng tồn kho và vẫn duy trì được sản lượng bán hàng, Tôn Nam Kim đã cải thiện được các chỉ tiêu sinh lời trong năm 2023. Cụ thể, biên lợi nhuận ròng đã quay về mức 1% trong năm 2023 (so với âm 0,5% năm 2022). Nhờ lợi nhuận ròng năm 2023 dương 117 tỷ đồng đã giúp hệ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu và tổng tài sản cải thiện tích cực lên mức 2,2% và 1%. Ngoài ra, dù biên lợi nhuận gộp năm 2023 vẫn ở mức rất thấp là 6% nhưng với việc giá cước vận tải giảm mạnh cùng với việc tiết kiệm các chi phí vận hành, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cũng đã quay về mức 1% (so với âm 0,5% trong năm 2022) và dự kiến sẽ tiếp tục hồi phục giai đoạn 2024 – 2025 khi tổng cầu thế giới quay trở lại.

Chỉ tiêu	2022	2023
Khả năng thanh toán (x)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.3x	1.4x
Hệ số thanh toán nhanh	0.7x	0.9x
Hệ số thanh toán tiền mặt	0.2x	0.2x
Chỉ tiêu cơ cấu vốn (%)		
Nợ ròng/Tổng tài sản	19,2%	23,8%
Nợ ròng/Vốn chủ sở hữu	48,4%	53,6%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	151,4%	126%
Khả năng thanh toán lãi vay	-0.4x	0.6x
Chỉ tiêu về vòng quay tiền (Ngày)		
Vòng quay khoản phải thu	17 ngày	30 ngày
Vòng quay hàng tồn kho	124 ngày	100 ngày
Vòng quay khoản phải trả	43 ngày	43 ngày
Vòng quay tiền mặt	98 ngày	87 ngày
Tỷ suất sinh lời (%)		
ROA	-0,9%	1,0%
ROE	-2,3%	2,2%
ROIC	1,5%	3,7%
ROCE	-6,3%	1,2%
Biên lợi nhuận (%)		
Biên lợi nhuận gộp	6,4%	6,0%
Biên lợi nhuận từ HDKD	-0,5%	1,0%
Biên lợi nhuận trước thuế	-0,5%	1,0%
Biên lợi nhuận sau thuế	-0,5%	0,6%
Chỉ tiêu sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế	-0,5%	0,6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	-2,3%	2,2%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	-0,9%	1,0%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,5%	1,0%

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	2022	2023	Tăng trưởng %
Tổng tài sản	13.460.760	12.235.401	-9,5%
Vốn chủ sở hữu	5.319.650	5.423.074	1%
Doanh thu thuần	23.071.247	18.595.974	-19,40%
Lợi nhuận gộp	1.481.361	1.112.263	-24,92%
Lợi nhuận từ HDKD	-106.845	177.072	NA
Lợi nhuận trước thuế	-106.913	177.311	NA
Lợi nhuận sau thuế	-124.685	117.409	NA

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN

Trong năm 2023, đứng trước những sức ép cạnh tranh gay gắt từ thị trường, dựa trên những định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (BTGĐ) đẩy mạnh những quyết định phù hợp để cân đối giữa doanh thu, sản xuất, lợi nhuận và công tác bán hàng. Trên tinh thần "Duy trì ổn định, sẵn sàng phục hồi mạnh mẽ", BTGĐ vẫn duy trì tốt công tác ổn định bán hàng của Công ty. Ngoài ra, BTGĐ đã điều hành sát với thực tiễn, duy trì lợi ích hài hòa cho cổ đông, người lao động. Qua đó, kết thúc năm 2023, Tôn Nam Kim ghi nhận được những kết quả đáng khích lệ như:

- Sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép lần lượt đạt 722.516 tấn và 138.712 tấn, đạt 91% kế hoạch đề ra.
- Sức khỏe tài chính doanh nghiệp cải thiện mạnh mẽ, trong đó dòng tiền từ hoạt động kinh doanh hồi phục ấn tượng lên mức 268 tỷ đồng trong năm 2023 (so với âm 827 tỷ đồng trong năm 2022).
- Sản phẩm Zinmag, bảo hành trên 50 năm, hướng tới các dòng sản phẩm chất lượng cao đã xuất khẩu thành công vào thị trường Châu Úc và hướng tới các thị trường khó tính như Bắc Mỹ, EU trong năm 2024.
- Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, đảm bảo sức khỏe và an sinh cho CBCNV.
- Nâng cao hiệu quả điều hành và quản trị, trong đó hệ thống ERP giúp BTGĐ có thể điều hành sát sao diễn biến của doanh nghiệp và thị trường.

Tựu chung, năm 2023 là năm bản lề cho câu chuyện hồi phục sau đợt giá HRC điều chỉnh giảm rất mạnh ở nửa cuối năm 2022. Hướng đến năm 2024, BTGĐ đánh giá quá trình hồi phục sẽ tiếp tục nhưng vẫn đối diện với rất nhiều thách thức trong bối cảnh thị trường xây dựng nội địa và quốc tế vẫn chưa thực sự bùng nổ.

So sánh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và 2023

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	2022	2023	Thay đổi (%)
Doanh thu thuần	23.071.247	18.595.974	-19,40%
Lợi nhuận gộp	1.481.361	1.112.263	-24,92%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-106.845	177.072	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước khấu hao	270.935	552.900	104,07%
Lợi nhuận sau thuế	-124.685	117.409	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	263.277.806	263.277.806	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	-474	446	

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2023

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2023, sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép của Tôn Nam Kim lần lượt đạt 722.516 tấn (+2% so với cùng kỳ) và 138.712 tấn (-18% so với cùng kỳ). Thị phần mảng tôn mạ nội địa năm 2023 ước đạt 16,9%, tương đương so với năm 2022. Trong năm 2023, mảng ống thép của Tôn Nam Kim chịu ảnh hưởng mạnh từ sự suy giảm của thị trường xây dựng khiến sản lượng ống thép giảm mạnh hơn so với dự đoán.

Về kết quả kinh doanh, bức tranh tổng thể của Tôn Nam Kim đã cải thiện rất nhiều dù tổng doanh thu thuần toàn đạt 18.595 tỷ đồng, giảm 19,4% so với năm 2022, chủ yếu đến từ doanh thu sụt giảm của mảng ống thép và giá tôn mạ. Trong năm 2023, trước bối cảnh thị trường thép dư cung đẩy mức độ cạnh tranh về giá thép trên toàn cầu trở nên vô cùng gay gắt khiến biên lợi nhuận gộp của Tôn Nam Kim hiện giảm nhẹ về mức 6% trong năm 2023 (so với 6,4% trong năm 2022). Nhưng nhờ sự kiểm soát chi phí được thắt chặt và giá cước tàu biển quay trở về mức trước đại dịch, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Tôn Nam Kim năm 2023 đã tăng lên mức 1% (so với -0,5% năm 2022), giúp lợi nhuận sau thuế hồi phục lại ở mức 117 tỷ đồng. Trong năm 2024, với kỳ vọng FED sẽ giảm lãi suất đồng USD sẽ giúp cho chi phí tài chính và lãi suất phải trả của Tôn Nam Kim dự kiến sẽ điều chỉnh giảm, giúp gia tăng biên lợi nhuận của Công ty.

VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Năm 2023, tổng tài sản đạt 12.235 tỷ đồng, giảm 9% so với năm 2022. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 9.322 tỷ đồng, chiếm 76% tổng tài sản. Lượng hàng tồn kho năm 2023 ghi nhận giảm năm thứ hai liên tiếp, chiếm 47% tổng tài sản. Do ảnh hưởng của việc giá HRC tồn kho vẫn còn một lượng hàng giá cao, Công ty vẫn phải trích lập 130 tỷ đồng hàng tồn kho vào cuối năm 2023. Cùng trong năm 2023, việc thị trường bất động sản suy yếu dẫn đến thanh khoản các nhà sản xuất, đại lý bán hàng của Tôn Nam Kim có phần chậm thanh khoản hơn so với giai đoạn 2019 – 2022. Nhằm đảm bảo thị phần, Công ty đã chủ động chấp nhận công nợ gia tăng lên mức 1.741 tỷ đồng, tăng 64% so với cùng kỳ năm 2022 nhưng vẫn ở ngưỡng an toàn cho phép khi khoản phải thu chỉ chiếm 14% tổng tài sản Công ty.

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

VỀ TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ NỢ

Trong năm 2023, BTGĐ tiếp tục thực hiện định hướng duy trì tối đa sự an toàn thanh khoản trong Công ty, trong đó giảm nợ vay và cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh là ưu tiên hàng đầu. Cho đến hết năm 2023, nợ vay dài hạn của Công ty hiện không còn. Nợ vay ngắn hạn ở ngưỡng 4.767 tỷ đồng, tương đương với 39% tổng tài sản năm 2023. Tuy nhiên, tín hiệu tích cực nhất nằm ở việc dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty đã quy lại mức dương 268 tỷ đồng trong năm 2023 (so với âm 827 tỷ đồng trong năm 2022).

Giá trị vốn chủ sở hữu cuối năm 2023 của Tôn Nam Kim đạt 5.423 tỷ đồng với phần lợi nhuận giữ lại chưa phân phối chiếm 32% vốn chủ sở hữu. Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu NKG theo đó cũng đạt VND 19.366/cổ phiếu.

Cơ cấu tài sản của NKG giai đoạn 2017 - 2023

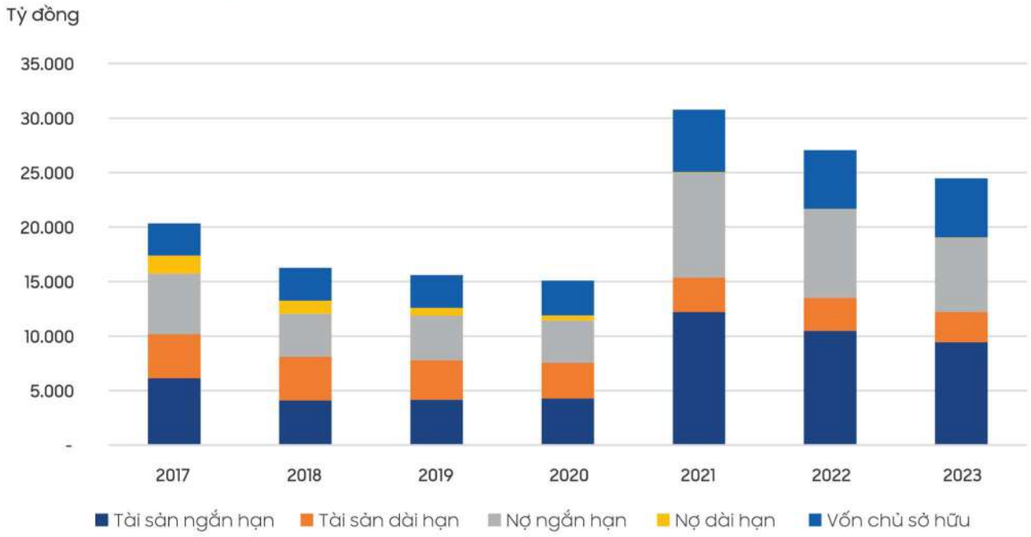

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TRONG NĂM 2023

Trong bối cảnh mà thị trường bất động sản đóng băng, địa chính trị diễn biến khó lường, đặc biệt mối lo đến từ lãi suất tăng cao, BTGĐ nhận định năm 2023 sẽ đối diện với rất nhiều những khó khăn.

Nhận thức rõ những khó khăn, thách thức phải đối mặt cũng như tiềm năng, cơ hội cần nắm bắt trong bối cảnh mới, BTGĐ Tôn Nam Kim đã, đang và sẽ kiên định, khẩn trương thực hiện những giải pháp sau:

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ, CẢI THIỆN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Tổ chức đánh giá lại đội ngũ nhân sự, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng tinh gọn, phát huy tối đa năng lực sở trường của người lao động. Phân định rõ chức năng - nhiệm vụ nhằm tăng tính hiệu quả các bộ phận.

Đánh giá cao vai trò đào tạo tại chỗ, gia tăng kiến thức chuyên ngành từ bộ phận quản lý đến các cấp nhân viên nhằm tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả công việc.

Tiếp tục xây dựng và cải tiến quy trình dựa trên sự thành công của hệ thống quản trị toàn diện ERP - SAP S/4 HANA. Hiện nay, toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp được hệ thống hóa trên nền tảng dữ liệu thống nhất, tức thời. Chi phí sản xuất, bán hàng, luân chuyển hàng tồn kho, vật tư nguyên liệu được truy vết từ đầu vào đến đầu ra. Các quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên số liệu được phân tích cập nhật tức thời.

THÀNH CÔNG TRONG VIỆC ĐƯA SẢN PHẨM MỚI RA THỊ TRƯỜNG CHÂU ÚC

Tôn Nam Kim có bước đi đột phá khi xuất khẩu thành công lô hàng tôn Zinmag cao cấp sang Châu Úc - thị trường đòi hỏi các tiêu chuẩn tôn mạ rất khắt khe. Công ty tự hào là doanh nghiệp Việt tiên phong phát triển thành công công nghệ sản xuất tôn mạ hợp kim với thành phần hợp kim kẽm - nhôm, kết hợp magie và các nguyên tố đất hiếm đặc biệt. Nhờ đó, sản phẩm có độ bền gấp hơn 5 lần tôn mạ hợp kim truyền thống. Qua đó, mở ra triển vọng xâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị ngành tôn mạ ở các thị trường có tiêu chuẩn rất cao trên thế giới như Bắc Mỹ, EU.

ĐẢM BẢO CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA DOANH NGHIỆP CHO CBCNV

Một trong những điểm BTGĐ tự hào nhất là việc dù có khó khăn, BTGĐ vẫn cố gắng hạn chế cắt giảm nhân sự nhất trong khả năng. Với hơn 1.300 thành viên trong đại gia đình Tôn Nam Kim, BTGĐ thấu hiểu rằng từng người là một bánh răng góp phần phát triển và xây dựng sự phồn vinh cho Công ty.

Tôn Nam Kim luôn liên tục tạo môi trường làm việc lành mạnh, tích cực, coi trọng sự đoàn kết giữa các nhân viên trong Công ty, động viên tinh thần và thúc đẩy động lực làm việc để cùng toàn thể Công ty vượt qua những thách thức khó khăn trong giai đoạn hiện nay.

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG THỊ PHẦN

Lấy đòn bẩy từ thương hiệu Tôn Nam Kim có bề dày lịch sử hơn 20 năm, là thương hiệu quốc gia với thị phần nội địa đứng thứ 3 mảng tôn mạ, đạt 16,9%; trong đó chất lượng sản phẩm được khẳng định ở nhiều thị trường như Mỹ, Nhật, EU, Indonesia, Mexico.... Tôn Nam Kim tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu gia tăng chất lượng sản phẩm để tạo ra giá trị vượt trội cho khách hàng. Trong đó, các yếu tố cốt lõi tạo nên sự khác biệt của Tôn Nam Kim bao gồm (1) Cạnh tranh bằng sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm; (2) Cạnh tranh bằng sự hài lòng của khách hàng; (3) Cạnh tranh bằng mức giá hấp dẫn; (4) Chính sách chăm sóc khách hàng chu đáo, tận tâm.

Hình 1: So sánh thị phần mảng ống thép năm 2022 - 2023

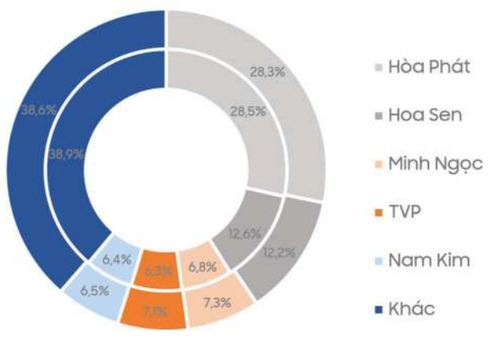

Hình 2: So sánh thị phần mảng tôn mạ năm 2022 - 2023

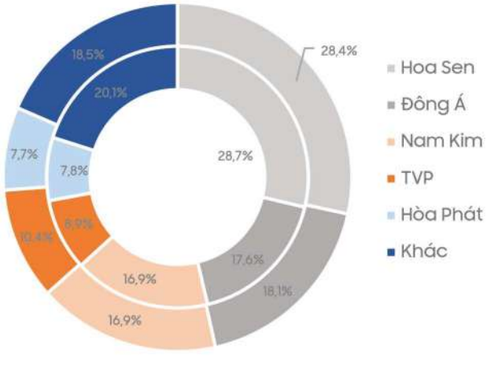

Nguồn: VSA, Mirae Asset Vietnam| Vòng trong 2022, Vòng ngoài 2023

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH KINH DOANH, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2024

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Tiếp bước năm bản lề cho sự phục hồi của ngành , BTGĐ và tập thể CBCNV Tôn Nam Kim quyết tâm đoàn kết, nỗ lực hết mình để hoàn thành kế hoạch kinh doanh được HĐQT giao phó với các chỉ tiêu sau:

Tổng sản lượng	**1.000.000 tấn**
Tổng doanh thu	**21.000 tỷ VND**
Lợi nhuận trước thuế	**420 tỷ VND**

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2024

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024, BTGĐ đề ra định hướng chiến lược

"CỦNG CỐ NỘI LỰC, TIẾN SÂU VÀO CHUỖI GIÁ TRỊ" với những giải pháp như sau:

- Tập trung giữ vững thị phần thị trường nội địa, nâng cao sản lượng mảng ống thép;
- Khai thác hiệu quả nhất nguồn lực hiện có;
- Tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mạ màu và hợp kim. Hướng tới các dòng sản phẩm có thể phục vụ cho sản xuất đồ gia dụng, chi tiết máy, cơ khí chính xác, phục vụ cả cho các nhà máy hiện hữu và chiến lược xây dựng Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ trong tương lai;
- Tiếp tục hạ tỷ lệ hàng tồn kho về mức phù hợp, giảm chi phí lãi vay và giảm thiểu rủi ro phải trích lập các khoản dự phòng;
- Tiếp tục tăng tính thanh khoản cho doanh nghiệp;
- Đẩy mạnh xuất khẩu với mũi nhọn là sản phẩm Zinmag, hướng tới mục tiêu tiến sâu vào chuỗi giá trị mảng tôn mạ ở thị trường EU và Bắc Mỹ.





4

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo của Hội đồng quản trị	73
Hoạt động của Hội đồng quản trị	76
Báo cáo của Ban kiểm soát	77
Quản trị rủi ro	80
Cổ phiếu NKG	85

Gia tăng năng lực cạnh tranh phát triển thị phần

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2023, kinh tế Việt Nam đối diện với những rủi ro và ảnh hưởng từ cả trong và ngoài nước. Đối với các vấn đề trong nước, tỷ giá tăng cao và sự suy yếu của thị trường bất động sản đã khiến cho các doanh nghiệp trong nước đều sụt giảm đơn hàng. Với nền kinh tế thế giới cũng không phải là ngoại lệ khi bóng ma lạm phát đã khiến lãi suất tăng cao kỷ lục, sức mua của các nền kinh tế lớn như EU, Nhật Bản, Úc,... sụt giảm đáng kể. Theo Tổng cục thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2023 ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Riêng với ngành thép năm 2023, mặc dù khó khăn do ảnh hưởng của suy giảm nhu cầu thép vẫn tiếp tục diễn ra nhưng thời điểm khó khăn nhất đã qua. Giá HRC đã hồi phục trong quý I/2023 lên mức USD 650/tấn và giúp các công ty thép có thể giảm trích lập dự phòng trong quý II/2023. Các quý tiếp theo giá HRC tương đối ổn định quanh mức USD 550/tấn, các công ty ngành thép - tôn mạ đã hoạt động có lời trở lại từ quý II/2023, nhưng biên lợi nhuận vẫn ở mức rất mỏng do tình trạng dư cung của ngành thép nội địa. Cho đến hết năm 2023, sản xuất thép thành phẩm đạt 27,76 triệu tấn, giảm 5% so với năm 2022. Bán hàng thép thành phẩm đạt gần 26,3 triệu tấn, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 8 triệu tấn, tăng 29% so với năm ngoái. Riêng mảng tôn mạ năm 2023 cũng đã có những dấu hiệu phục hồi nhẹ đầu tiên với sản lượng sản xuất 4,6 triệu tấn, tăng 1,4% so với năm 2022. Bán hàng năm 2023 đạt 4,27 triệu tấn, tăng 2% so với năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt gần 2,2 triệu tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Năm 2024, HĐQT nhận định ngành thép tiếp tục hồi phục nhưng mức tăng vẫn sẽ rất khiêm tốn, đặc biệt trong bối cảnh FED vẫn đang duy trì nền lãi suất cao. Do đó, HĐQT đánh giá chiến lược kinh doanh năm 2024 ngoài gia tăng lợi nhuận, việc củng cố thị trường cũng như mở rộng các đối tác mới sẽ là yếu tố then chốt trong hoạch định tương lai dài hạn của Tôn Nam Kim.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

Doanh thu năm 2023, dù đứng trước áp lực cạnh tranh cực kỳ lớn, nhưng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Tôn Nam Kim vẫn đạt 18.621 tỷ đồng và 177 tỷ đồng, lần lượt tương ứng với 93% và 44% so với kế hoạch. Dù kết quả chưa thực sự như mong đợi, HĐQT vẫn đánh giá rất cao kết quả kinh doanh của tập thể BTGĐ và toàn thể CBCNV của Tôn Nam Kim, thể hiện sự cố gắng và nỗ lực trong năm 2023. Nợ dài hạn đã hoàn toàn tất toán, áp lực tài chính đối với Công ty dù còn hiện hữu nhưng dự kiến sẽ giảm theo sản lượng hàng tồn kho.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Năm 2023, Tôn Nam Kim tiêu thụ tổng cộng 722.516 tấn sản phẩm tôn mạ và 138.712 tấn ống thép các loại. Công ty không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trong ngành. Đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến đến từ Hàn Quốc, Đài Loan, Đức và các nước Châu Âu nhằm nâng cao năng suất.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG

Với mục tiêu tối ưu hiệu quả kinh doanh, giữ vững và phát triển thị phần, Tôn Nam Kim đã thực hiện các biện pháp sau đối với hoạt động bán hàng:

- Thường xuyên nghiên cứu thị trường để nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng;
- Liên tục cập nhật những biến động của thị trường để nhanh chóng đưa ra kế hoạch;
- Đáp ứng được yêu cầu về nguồn gốc nguyên vật liệu khi xuất khẩu, với nguồn nguyên vật liệu sản xuất mua từ Formosa và Nippon Steel (đây đang là ưu thế của Công ty);
- Tiếp tục tìm tòi, nghiên cứu để đưa ra thị trường những sản phẩm mới đạt chất lượng cao với mẫu mã bắt mắt;
- Đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu Tôn Nam Kim, tìm kiếm khách hàng mới ở cả thị trường quốc tế lẫn nội địa;
- Thành công trong việc đưa sản phẩm Zinmag xuất khẩu vào thị trường Châu Úc, tạo tiền đề để xuất khẩu vào các thị trường khó tính khác như Châu Âu hay Bắc Mỹ.

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG, MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tôn Nam Kim trong năm 2023 đóng góp 361 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước. Ngoài ra, Tôn Nam Kim hiện đang tạo ra công ăn việc làm cho hơn 1.300 người lao động, góp phần ổn định đời sống và an sinh xã hội cho địa phương.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BTGĐ

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Tổng giám đốc và các thành viên BTGĐ thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT, các báo cáo bổ sung, các báo cáo tháng, các báo cáo bất thường về tình hình triển khai các chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt.

Trên cơ sở công tác giám sát, HĐQT đã có những đánh giá và kết luận kịp thời để Tổng giám đốc và BTGĐ triển khai, điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BTGĐ

Theo đánh giá của HĐQT, Tổng giám đốc và BTGĐ đã xây dựng phương án kinh doanh, thích ứng và điều chỉnh linh hoạt với diễn biến của thị trường; công tác quản trị được chú trọng, tiết giảm chi phí tài chính, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng; hoạt động xuất khẩu đã được tổ chức hiệu quả, đa dạng thị trường, giảm thiểu tối đa các rủi ro do chính sách phòng vệ thương mại, chống phá giá từ các thị trường xuất khẩu.

Tổng giám đốc và BTGĐ đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm soát và quản lý. HĐQT đánh giá BTGĐ đã vượt qua rất nhiều khó khăn, điều hành kịp thời và hoàn thành nhiệm vụ được giao phó.

THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT

Thành viên HĐQT nhận tiền lương, thù lao, phụ cấp, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2023 và Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Trong năm 2023, Ban kiểm toán nội bộ cùng với HĐQT đã tích cực phối hợp với nhau để giám sát tính tuân thủ pháp luật trong công tác kế toán và một phần chi phí hoạt động. HĐQT đánh giá rất cao những thành tích của Ban kiểm toán nội bộ trong việc đã giúp HĐQT lẫn BTGĐ nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh, tính tuân thủ đối với luật pháp trong suốt quá trình hoạt động của Công ty trong năm 2023.

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trình tự, thủ tục phê duyệt các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Trong năm 2023, thành viên độc lập của HĐQT đã tham gia đầy đủ vào các nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao phó. Ngoài ra, thành viên độc lập còn thực hiện tốt chức năng giám sát Công ty về các khía cạnh tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy chế của Công ty cũng như tiến độ thực hiện các Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông đã giao cho Công ty. Ngoài ra, thành viên độc lập HĐQT trong năm 2023 đã có những đóng góp rất khách quan, quý giá và kịp thời cho HĐQT lẫn BTGĐ trong công tác điều hành và xây dựng chiến lược.

Về đánh giá hoạt động của HĐQT, thành viên độc lập HĐQT đánh giá rất cao đóng góp của HĐQT. Cụ thể, thành viên độc lập nhận xét HĐQT đã dành rất nhiều sự quan tâm cho công tác điều hành doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt. Thông qua các báo cáo thường kỳ và các cuộc họp trực tiếp lẫn trực tuyến, HĐQT đã giám sát rất tốt tính thực thi các Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó. Đồng thời, thành viên độc lập HĐQT cũng nhận thấy HĐQT cũng dành rất nhiều thời gian tư vấn cho hoạt động quản trị, điều hành,



xây dựng chiến lược kinh doanh. Trên hết, HĐQT luôn giữ vững lập trường và liên tục giám sát tính tuân thủ pháp luật thông qua việc phối hợp chặt chẽ với các tiểu ban trong công việc giám sát hoạt động Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

HĐQT đánh giá năm 2024 vẫn là một năm rất khó khăn cho ngành thép - tôn mạ. Ở bối cảnh nước ngoài, xung đột địa chính trị vẫn đang tiếp diễn, lãi suất toàn cầu vẫn ở mức cao và sự cạnh tranh gay gắt đến từ các đối thủ sẽ là những trở ngại chính đối với sự phục hồi của Tôn Nam Kim. Với thị trường nội địa, sức mua của người dân vẫn đang là dấu hỏi, trong khi thị trường bất động sản cần thời gian để ngấm các chính sách hỗ trợ, HĐQT cho rằng con đường phục hồi của Tôn Nam Kim trong năm 2024 vẫn sẽ đối mặt với rất nhiều thách thức.

Hiểu được điều đó, HĐQT chủ động, tích cực thực hiện những định hướng chiến lược sau để có thể phát huy tối đa nội lực của Tôn Nam Kim, nắm bắt cơ hội hướng đến sự phát triển bền vững:

- Cơ cấu, sắp xếp lại các nguồn lực, bổ sung quy chế bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, luân chuyển của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với quy mô, đặc thù Công ty;
- Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của Công ty, sử dụng hợp lý các nguồn vốn vay;
- Nghiên cứu thời điểm và phương án đầu tư hợp lý cho dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ;
- Kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả;
- Nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng bằng việc mở rộng tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới; Tiếp tục nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu khách hàng;
- Tăng tỷ trọng những mặt hàng có biên lợi nhuận dựa trên quy trình sản xuất khép kín của Tôn Nam Kim, đặc biệt các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao như tôn mạ màu, tôn mạ hợp kim;
- Theo dõi sản lượng, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng của mỗi thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chuyển hàng hóa và đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã tổ chức **05** cuộc họp với sự tham dự của BKS và BTGĐ.

Thành viên HĐQT	Số lần tham dự	Tỷ lệ
Hồ Minh Quang	5/5	100%
Võ Hoàng Vũ	5/5	100%
Nguyễn Vinh An	5/5	100%
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	5/5	100%
Võ Thời	5/5	100%

(HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 được bầu vào ngày 18/06/2020)

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Ban kiểm toán nội bộ - trực thuộc HĐQT của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim - đơn vị tham mưu, giúp việc cho HĐQT thông qua việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ.

Ngoài Ban kiểm toán nội bộ, HĐQT không thành lập các tiểu ban giúp việc khác.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

CÁC NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã ban hành **05** Nghị quyết để định hướng, chỉ đạo kịp thời các vấn đề quan trọng của Công ty. Danh sách các Nghị quyết/Quyết định được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT	13/01/2023	Thông qua việc tạm ứng thù lao đợt 2 của HĐQT và BKS năm 2021	100%
2	02/2023/NQ-HĐQT	21/02/2023	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
3	02A/2023/NQ-HĐQT	16/03/2023	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023	100%
4	03/2023/NQ-HĐQT	05/07/2023	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023	100%
5	04/2023/NQ-HĐQT	26/12/2023	Thông qua việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Ống Thép Nam Kim Chu Lai	100%

HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

Với lợi thế HĐQT của Tôn Nam Kim đều là những thành viên giàu kinh nghiệm, kiến thức trong ngành thép nói riêng và quản trị doanh nghiệp nói chung, trong năm 2023 HĐQT tiếp tục thực hiện vai trò tham mưu cho BTGĐ trong các hoạt động kinh doanh và định hướng chiến lược. Trong năm 2023, HĐQT thực hiện các cuộc họp thường kỳ, từng thành viên đều nắm bắt tốt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để cùng nhau đưa ra những quyết định kịp thời. HĐQT luôn tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó cũng như giám sát chặt chẽ các hoạt động của BTGĐ. Năm qua, các hoạt động của HĐQT tập trung vào các nội dung sau:

- Là cơ quan tham mưu cho BTGĐ xây dựng phương án kinh doanh và chủ động tìm các thị trường mới;
- Tham mưu và giám sát công tác quản trị, giám sát tính tuân thủ pháp luật của Công ty;
- Tham mưu và giám sát quá trình sản xuất, hoạt động của Công ty, đóng góp ý kiến cho các sáng kiến giúp tiết kiệm chi phí trong sản xuất;
- Cùng BTGĐ và các bộ phận liên quan xây dựng chiến lược trung và dài hạn;
- Đồng hành, cùng BTGĐ trong công tác bán hàng, giúp đẩy mạnh xuất khẩu. Củng cố mối quan hệ với các thị trường truyền thống và tiếp cận các thị trường có giá trị cao;
- Tùy tình hình thị trường mà HĐQT có chỉ đạo linh hoạt, điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

NHÂN SỰ CỦA BKS

Bà Nguyễn Thị Bích Nhi	Trưởng ban
Bà Võ Thị Vui	Thành viên
Ông Lê Nhật Tân	Thành viên

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2023

Năm 2023, BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

- Tham gia các buổi họp của Ban lãnh đạo Công ty về việc triển khai dự án, theo dõi tiến độ dự án, cũng như kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Giám sát tiến độ thực hiện các dự án.
- Kiểm tra công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính đảm bảo tính đầy đủ, hệ thống và nhất quán.
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và người lao động.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 - năm 2024, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và thống nhất các vấn đề sau:

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.
- Thống nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2023 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
4/4	100%	3/3
4/4	100%	3/3
4/4	100%	3/3

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS VÀ TỪNG KIỂM SOÁT VIÊN

- Các Kiểm soát viên luôn nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm về kế toán, tài chính cũng như hiểu biết pháp luật của mình trong công tác giám sát.
- Đã hoàn thành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023.
- Các Kiểm soát viên đều tích cực tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS, cử đại diện BKS tham dự hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị với tư cách quan sát viên.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

- BKS đã thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời theo dõi thường xuyên việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc giao cho các đơn vị trong toàn hệ thống nhằm đạt mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Thực hiện theo quy định của pháp luật, BKS đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ.
- Trong năm không có thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.
- Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc bất hợp lý liên quan đến các ước tính kế toán (ví dụ các khoản dự phòng, xác định lợi thế thương mại ...)
- Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với các giao dịch các bên liên quan.
- Thực hiện đúng và đầy đủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.
- Lược trích những số liệu cơ bản thực hiện trong năm 2023:

Kết quả kinh doanh

Doanh thu thuần	18.595.974.253.087 (VND)
Tổng lợi nhuận trước thuế	177.310.914.179 (VND)
Lợi nhuận sau thuế	117.408.565.158 (VND)

Tài sản Công ty

Tổng tài sản	12.235.401.246.591 (VND)
Tài sản ngắn hạn	9.322.639.041.423 (VND)
Tài sản dài hạn	2.912.762.205.168 (VND)

Vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm (01/01/2023)	5.319.650.135.071 (VND)
Số dư cuối năm (31/12/2023)	5.423.073.956.647 (VND)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- BKS luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật. Thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng, nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, có điều kiện đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó.
- Trong năm qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Trong năm 2023, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BKS

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của cơ quan kiểm toán.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.



CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BKS ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Tăng cường quản lý chi phí hoạt động theo kế hoạch đã đề ra.
- Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm soát nội bộ để phát hiện, cảnh báo và đưa ra biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty đảm bảo phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và những thay đổi trong mục tiêu kinh doanh của hoạt động Công ty.



QUẢN TRỊ RỦI RO

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong nửa đầu thập niên 2020s, các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và doanh nghiệp toàn cầu nói chung đã và đang đối diện với rất nhiều yếu tố rủi ro chưa từng có tiền lệ như dịch bệnh Covid-19, xung đột Nga – Ukraine, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung hay tình trạng lạm phát trên 10% diễn ra trên toàn cầu (giai đoạn 2022 - 2023). Những yếu tố ngoại cảnh chưa từng có tiền lệ này đã dẫn đến tình trạng giá nguyên vật liệu có sự biến động cực kỳ mạnh, lạm phát tăng cao kéo theo sức mua toàn cầu giảm sút. Chỉ tính riêng giai đoạn từ quý II/2022, giá HRC đã sụt giảm liên tục từ mốc gần USD 800/tấn năm 2022 về mức USD 560/tấn năm 2023 khiến cho tất cả các công ty thép – tôn mạ đều ghi nhận những khoản lỗ lớn. Tôn Nam Kim cũng không nằm ngoài ngoại lệ khi chịu vô vàn những khó khăn khi lợi nhuận ròng năm 2022 đã từ dương thành âm do các khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Về yếu tố đặc thù nội địa, kinh tế Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ với chiến lược kinh tế tuần hoàn, trong đó giá trị giữa lợi nhuận sẽ phải cân bằng hài hòa với lợi ích về cộng đồng cũng như đi đôi với an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Tôn Nam Kim là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong ngành thép với 16.9% thị phần tôn mạ và hơn 6% thị phần ống thép. Các sản phẩm của Tôn Nam Kim là có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình, ngành thép nội địa cũng như đóng góp ngân sách rất lớn cho nền kinh tế địa phương. Ngoài ra, sự lớn mạnh của Tôn Nam Kim còn tạo rất nhiều công việc cho dân địa phương, giúp ổn định an sinh xã hội. Có thể nói Tôn Nam Kim, với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và thương mại thép, sẽ luôn phải đối diện với những rủi ro đặc thù, thường trực, đặc biệt trong bối cảnh lạm phát, chiến tranh và dịch bệnh.

Đặc biệt trong giai đoạn 2023, khi nguyên liệu như HRC, khí LNG biến động cực mạnh, giá cước tàu biển tăng cao nhất trong vòng 10 năm khiến cho tầm quan trọng quy trình quản trị rủi ro ngày càng tăng lên. Trong năm 2022, Tôn Nam Kim chịu nhiều rủi ro về biến động giá hàng tồn kho, đặc biệt trong bối cảnh biến động giá hàng tồn kho là rất lớn. Tới năm 2023, rủi ro về lãi suất cũng như sự suy giảm sức mua lại tác động tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty. Khác với những rủi ro về mặt sản xuất, đây là những rủi ro xuất phát từ ngoại cảnh nhưng có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp. Chính vì thế, hoạt động quản trị rủi ro luôn được Tôn Nam Kim xem là một nhiệm vụ chiến lược ưu tiên hàng đầu. Công ty xây dựng một quy trình quản trị rủi ro toàn diện, hiệu quả, hướng đến tiêu chuẩn quốc tế ISO 31000:2018 về quản trị rủi ro và tiêu chuẩn COSO về kiểm soát nội bộ.

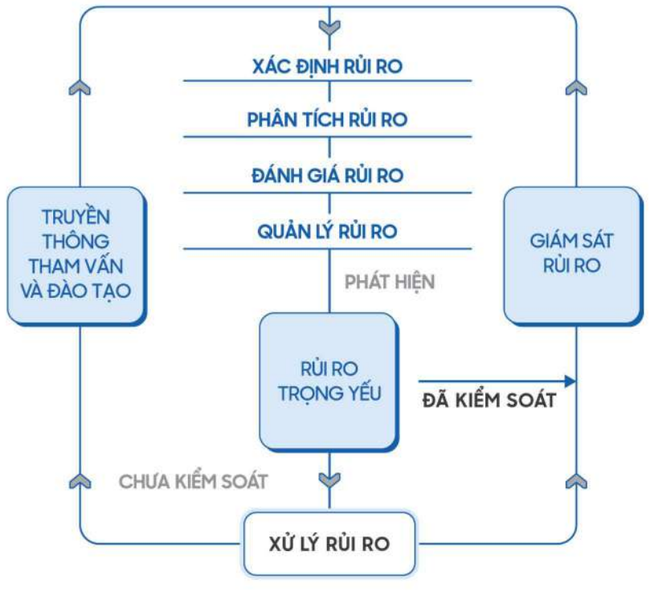

Rủi ro được phân loại theo hướng dẫn của tiêu chuẩn COSO về kiểm soát nội bộ. Tiêu chí "xác suất" và "tác động" được đo lường theo mức độ tăng dần trên thang điểm từ 1 đến 5.

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO CHIẾN LƯỢC	NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	ĐÁNH GIÁ XÁC SUẤT	QUẢN LÝ RỦI RO
	Rủi ro vĩ mô	Những biến động về địa chính trị, xung đột quốc gia, cấm vận hoặc nội tại nền kinh tế Việt Nam gặp tình trạng bất ổn trực tiếp gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường bất động sản.	5	4	Liên tục theo dõi, giám sát những biến động kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế. Phân tích, đánh giá các kịch bản biến động của các nhân tố vĩ mô để có quyết định phù hợp. Xây dựng phương án dự phòng nhằm tránh tình huống xấu nhất nếu các doanh nghiệp bất động sản vỡ nợ dây chuyền.
	Rủi ro định hướng chiến lược	Chiến lược của Tôn Nam Kim có thể chưa phù hợp với tình hình thực tiễn. Các sản phẩm bán hàng chủ đạo chưa phù hợp với xu thế của thế giới.	5	1	Đặt các chiến lược dài hạn. Có những kế hoạch tài chính dự phòng cho mọi rủi ro.
	Rủi ro cạnh tranh	Các đại lý gây sức ép và giảm biên lợi nhuận của sản phẩm. Các đối thủ cạnh tranh ở các nước thực hiện chiến lược cạnh tranh về giá.	4	3	Thường xuyên theo dõi, phân tích môi trường kinh doanh. Chủ động khảo sát, nghiên cứu cung cầu thị trường. Duy trì và phát triển lợi thế cạnh tranh nội tại, cải thiện chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, bảo đảm giữ vững và mở rộng thị phần.
	Rủi ro truyền thông	Xuất hiện những thông tin tiêu cực chưa được xử lý kịp thời. Ảnh hưởng của thông tin chưa được kiểm chứng.	2	2	Liên tục cập nhật các thông tin bên ngoài và có biện pháp ứng xử kịp thời, phù hợp. Thực hiện tốt hoạt động PR, IR. Duy trì quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG	NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	ĐÁNH GIÁ XÁC SUẤT	QUẢN LÝ RỦI RO
	Rủi ro nguyên vật liệu	Sự thiếu hụt của nguyên vật liệu đầu vào có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của Tôn Nam Kim. Biến động giá HRC, gas, than cốc... gây ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và sản xuất của doanh nghiệp.	5	3	Quản lý hiệu quả hàng tồn kho. Đàm phán kế hoạch cụ thể với nhà cung cấp về nhu cầu và mức giá ổn định. Xây dựng chiến lược quản lý hàng tồn kho trong ngắn hạn và trung hạn nhằm ứng phó với sự biến động về giá.
	Rủi ro chất lượng	Sản phẩm của Tôn Nam Kim có thể không bảo đảm chất lượng trong quá trình sản xuất hoặc do nguyên liệu đầu vào kém chất lượng.	3	1	Chuẩn hoá và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy trình quản lý chất lượng. Tuân thủ quy trình QA/QC nghiêm ngặt, đáp ứng tiêu chuẩn của châu Mỹ như ASTM, của Nhật Bản như JIS.
	Rủi ro thực thi	Việc thực thi các kế hoạch kinh doanh có thể không thành công.	2	1	Theo dõi, giám sát về hiệu quả, tiến độ thực thi các kế hoạch kinh doanh để có các biện pháp ứng phó kịp thời.
	Rủi ro công nghệ thông tin	Hệ thống công nghệ thông tin của Tôn Nam Kim có thể bị tấn công hoặc lỗi kỹ thuật.	1	1	Duy trì và phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, bảo mật.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE, AN TOÀN LAO ĐỘNG	NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	ĐÁNH GIÁ XÁC SUẤT	QUẢN LÝ RỦI RO
	Rủi ro về an toàn lao động	Xảy ra tai nạn lao động trong quá trình sản xuất.	2	1	Tập huấn hàng năm về các tiêu chuẩn an toàn lao động. Trang bị đầy đủ cho cán bộ công nhân viên trong quá trình sản xuất. Quy trình chuẩn hóa và có sự yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt.
	Rủi ro về môi trường	Xảy ra ô nhiễm đến môi trường. Xảy ra sự cố về cháy, nổ ngoài ý muốn.	4	1	Hệ thống phòng cháy chữa cháy luôn được đảm bảo hoạt động đầy đủ, tuân thủ các quy định PCCC của nhà nước. Tận dụng lợi thế tự nhiên, có hệ thống xử lý chất thải đầy đủ, tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường.

RỦI RO TÀI CHÍNH	NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	ĐÁNH GIÁ XÁC SUẤT	QUẢN LÝ RỦI RO
	Rủi ro lãi suất	Biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Tôn Nam Kim.	5	3	Theo dõi biến động của lãi suất, lập kế hoạch dòng tiền, thanh toán nợ. Đàm phán giữ, giảm lãi suất cho vay với các bên cấp tín dụng. Tập trung hướng tới cân bằng các chỉ số thanh toán, giảm đòn bẩy tài chính, giảm nợ.
	Rủi ro tín dụng thương mại	Tôn Nam Kim có thể gặp khó khăn trong việc thu hồi tín dụng thương mại từ các đối tác.	2	1	Giám sát chặt chẽ các khoản tín dụng thương mại. Tích cực đôn đốc thu hồi nợ đến hạn. Xem xét cẩn trọng năng lực của đối tác trước khi quyết định. Yêu cầu khách hàng mở LC khi nhập khẩu. Giảm thời gian công nợ, tăng cường lập các kế hoạch dự phòng tài chính.

RỦI RO PHÁP LÝ	NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	ĐÁNH GIÁ XÁC SUẤT	QUẢN LÝ RỦI RO
	Rủi ro tuân thủ	Tôn Nam Kim chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các chính sách thuế, hải quan. Bên cạnh đó, với tư cách là một công ty đại chúng niêm yết, Tôn Nam Kim còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngoài khung pháp lý chung, Tôn Nam Kim còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường.	3	1	Tôn Nam Kim có Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để kịp thời dự báo cho Công ty hoạt động tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.
	Rủi ro thuế quan	Thép là ngành công nghiệp được nhiều quốc gia bảo hộ. Tôn Nam Kim thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ các chính quyền tại các thị trường xuất khẩu áp các hàng rào thuế quan (thuế chống bán phá giá...).	4	2	Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các diễn biến, quy định về thuế quan tại các thị trường xuất khẩu. Nghiên cứu, đàm phán với các bên liên quan để hạn chế, xử lý khi bị áp dụng những quy định về thuế quan chưa thực sự phù hợp. Tối ưu sản lượng và chi phí sản xuất. Luôn cập nhật về tình hình thuế quan, phát triển thị trường trong nước nhằm hạn chế rủi ro ở thị trường xuất khẩu.

BẢNG MỨC THUẾ TỪ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM TÔN MẠ TỪ MỘT SỐ QUỐC GIA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

STT	QUỐC GIA	VỤ VIỆC	MẶT HÀNG	TÔN NAM KIM	HOA SEN	TÔN ĐÔNG Á	MỨC THUẾ CAO NHẤT	NGÀY HIỆU LỰC	NGÀY HẾT HẠN
1	**MALAYSIA**	AD	PPGI PPGL	0%	34.85%	34.85%	Maruichi: 12.06% Khác: 34.85%	19.01.2016 20.7.2021	Điều tra rà soát cuối kỳ tiếp tục áp thuế đến 19.7.2026
2	**THAILAND**	AD	PPGI PPGL	PPGI: 4.3%	PPGI: 6.63%	PPGI: 60.26%	Khác: 60.26% Thép TVP: 53.2% Tôn Phương Nam: 46.35% Đại Thiên Lộc: 34.05%	24.03.2017	Điều tra rà soát cuối kỳ: tiếp tục áp thuế thêm 5 năm từ 9/5/2023
3	**AUSTRALIA**	AD/ CVD	GI	Loại trừ	Loại trừ	Khác: giá sàn (floor price)	Khác: giá sàn (floor price)	16.08.2017	Còn hiệu lực (Cập nhật: báo cáo số 592)
4	**MALAYSIA**	AD	GI	2.66%	0%	Khác: 15.69%	Khác: 15.69%	08.03.2019	Hết hiệu lực vào ngày 7.3.2024
5	**THAILAND**	AD	GI PIPE	9.10%	9.10%	Others: 51.61%	Khác: 51.61%	13.02.2020	Còn hiệu lực đến 12.02.2025
6	**USA**	Section 232	CORE	Cân nhắc loại trừ các sản phẩm thép và nhôm nhập khẩu từ Việt Nam	Cân nhắc loại trừ các sản phẩm thép và nhôm nhập khẩu từ Việt Nam	Cân nhắc loại trừ các sản phẩm thép và nhôm nhập khẩu từ Việt Nam	Ngoại trừ: Canada, Mexico	19.05.2020	Còn hiệu lực
7	**CANADA**	AD	GI, GL (Slitting)	AD 2.3% + CVD 0.0%	AD 11.0% + CVD 0.0%	AD 71.1% + CVD 0.00%	Tất cả các nhà xuất khẩu AD 71.1% + CVD 0.2%	16.10.2020	Còn hiệu lực (Áp dụng bảng Normal value mới từ 17.7.2023)
8	**MALAYSIA**	AD	GI, GL (Slitting)	5.04%	0% (trước đây 16.55%)	0% (trước đây 15.87%)	Khác: 37.14% Công ty Ống thép Hòa Phát: 3.06% Tân Phước Khanh: 0% (27.6.2023)	12.12.2020 - 11.12.2025	Còn hiệu lực
9	**AUSTRALIA**	AD + CVD	GL Master Width 558	-9.6% (Không bị áp thuế) CVD 0%	8.1% CVD 0%	Others: 20.9% CVD 0%	Khác: 20.9% CVD: N/A áp dụng với tất cả	24.12.2021	Còn hiệu lực
10	**MEXICO**	AD	GI, GL, PP	6.40%	7.00%	10.84%	Khác: 10.84% Maruchi: 2.06% (trước đây 0%)	24.02.2023	Còn hiệu lực



CỔ PHIẾU NKG



EPS NĂM 2023	GIÁ CỔ PHIẾU CAO NHẤT	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TB	VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG	GIÁ TRỊ SỔ SÁCH MỖI CỔ PHẦN
446 VND/CP	24.600 VND/CP	185 tỷ/VND	6.389 tỷ VND tại ngày 31/12/2023	19.336 VND/CP

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tại ngày 31/12/2023

Tổng số cổ phần đang lưu hành	263.277.806 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	263.277.806 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có. Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.
Các chứng khoán khác	không có
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty	50%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 16/03//2023

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	-	-	-
Cổ đông nước ngoài	**293**	**32.920.889**	**12,50%**
Tổ chức	35	31.588.523	11,99%
Cá nhân	258	1.332.366	0,51%
Cổ đông trong nước	**36.568**	**230.356.917**	**87,50%**
Tổ chức	63	18.229.952	6,93%
Cá nhân	36.505	212.126.965	80,57%
Tổng cộng	**36.861**	**263.277.806**	**100%**
Tổng số cổ phiếu đã phát hành		263.277.806	

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tại ngày 16/03/2023

Cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Hồ Minh Quang	37.391.097	14,20%
UNICOH SPECIALTY CHEMICALS CO., LTD	13.248.000	5,03%

HOẠT ĐỘNG IR

CUNG CẤP THÔNG TIN MINH BẠCH, KỊP THỜI

Tôn Nam Kim bảo đảm việc minh bạch thông tin đến mọi cổ đông, nhà đầu tư. Công ty luôn chủ động công bố thông tin kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và bất kỳ thông tin bất thường quan trọng khác thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, thông cáo báo chí trên website của Công ty tại www.tonnamkim.com, website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các kênh truyền thông khác.

THƯỜNG XUYÊN TIẾP XÚC, TRAO ĐỔI, LẮNG NGHE CỔ ĐÔNG

Ban lãnh đạo Tôn Nam Kim luôn cố gắng duy trì sự tương tác thường xuyên, trực tiếp trao đổi và lắng nghe ý kiến của cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cuộc gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại và email nhằm giúp cổ đông, nhà đầu tư nắm bắt kịp thời, chính xác, khách quan và toàn diện về tình hình hoạt động, triển vọng phát triển của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ VỀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Email: congbothongtin@namkimgroup.vn



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

ĐTV: nghìn đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ	Vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng vốn
2002	60.000.000	-	Thành lập Công ty
2006	69.000.000	9.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
2007	71.100.000	2.100.000	Phát hành thêm cho cổ đông trong Công ty
2009	150.000.000	78.900.000	Phát hành thêm cho cổ đông trong Công ty
2010	200.000.000	50.000.000	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
2010	230.000.000	30.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2011	299.000.000	69.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2014	399.000.000	100.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2015	430.919.200	31.919.200	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2015	438.899.200	7.980.000	Phát hành cổ phiếu ESOP
2016	500.343.610	61.444.410	Phát hành cổ phiếu thưởng
2016	660.343.610	160.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2017	990.514.550	330.170.940	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2017	1.000.000.000	9.485.450	Phát hành cổ phiếu ESOP
2017	1.300.000.000	300.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2018	1.819.998.680	519.998.680	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2021	2.183.985.680	363.987.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng
2022	2.193.985.680	10.000.000	Phát hành cổ phiếu ESOP
2022	2.632.778.060	438.792.380	Trả cổ tức bằng cổ phiếu

**ESOP (Employee Stock Ownership Plan): Cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty*

CỔ PHIẾU NKG

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại ngày 31/12/2023

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	37.391.097	14,20%
Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT	9.374.400	3,56%
Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT	325.796	0,12%
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên HĐQT	48.000	0,02%
Võ Thời	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại ngày 31/12/2023

Thành viên BTGĐ	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Võ Hoàng Vũ	Tổng giám đốc	9.374.400	3,56%
Nguyễn Vinh An	Phó Tổng giám đốc	325.796	0,12%
Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng giám đốc	90.000	0,03%
Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng giám đốc	1.428.428	0,54%
Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng giám đốc	274.456	0,10%
Nguyễn Minh Hùng	Phó Tổng giám đốc	48.000	0,02%
Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng	8.300	0%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tại ngày 31/12/2023

Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thị Bích Nhi	Trưởng BKS	9.600	0%
Võ Thị Vui	Thành viên BKS	46.320	0,02%
Lê Nhật Tân	Thành viên BKS	4.800	0%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRONG KỲ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu giao dịch mua	Số lượng cổ phiếu giao dịch bán
Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng giám đốc	9.545	9.600
Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính	-	4.400
Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng	3.000	43.100
Nông Bích Hiện	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	1.100	1.600

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BTGĐ

Việc chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp, tiền thưởng và các lợi ích khác của HĐQT, BKS và BTGĐ đảm bảo tuân thủ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2023.

VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tôn Nam Kim luôn tuân thủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ về quản trị Công ty.





5

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tầm nhìn bền vững	91
Tối ưu hiệu quả kinh tế	93
Củng cố, phát triển nguồn nhân lực	95
Bảo vệ môi trường thiên nhiên	97
Đồng hành với cộng đồng, xã hội	98

Phát triển bền vững đảm bảo lợi ích cho các bên liên quan đi đôi với bảo vệ môi trường

TẦM NHÌN BỀN VỮNG

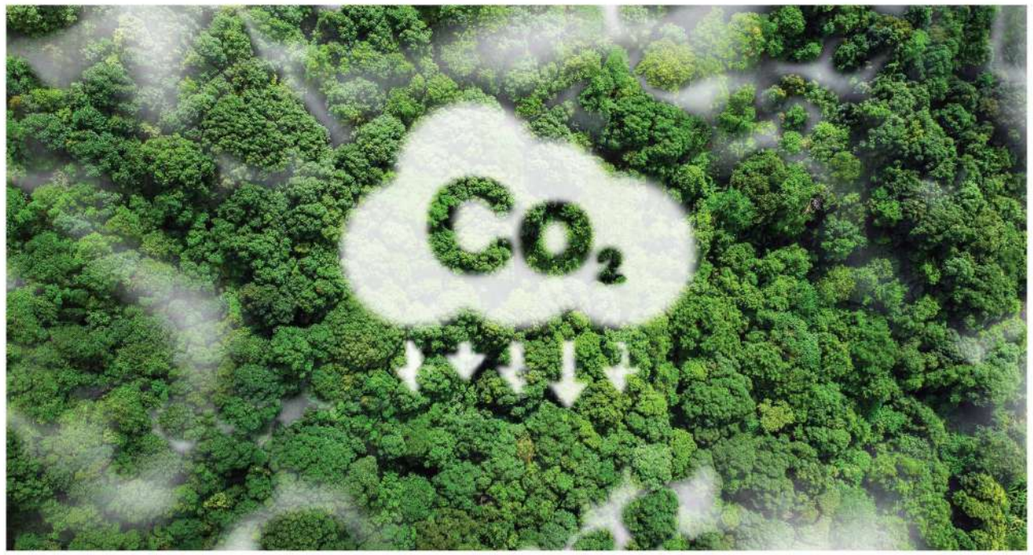

Trong vòng một thập niên, chủ đề về tiết giảm CO2 nhằm hạn chế sự nóng lên của trái đất luôn là một trong những chương trình nghị sự lớn nhất. Trên tinh thần không đánh đổi kinh tế bằng ô nhiễm môi trường, trong Hội nghị COP26 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã cam kết đưa phát thải ròng CO2 của Việt Nam về bằng 0 vào năm 2050. Năm 2022, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái vừa ký Quyết định 687/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Hiện nay, Châu Âu đã ban hành một chính sách cực kỳ quan trọng là áp dụng đánh thuế carbon lên các sản phẩm nhập khẩu vào châu Âu, hay còn được biết là cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM), được thí điểm áp dụng từ 2024 và áp dụng đầy đủ vào năm 2026.

Là một trong những doanh nghiệp đầu ngành tôn mạ tại Việt Nam, Tôn Nam Kim nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của nền kinh tế xanh và đạo đức. Tôn Nam Kim hiểu rằng việc xanh hóa hoạt động sản xuất không chỉ vì lợi ích kinh tế của doanh nghiệp, mà còn mang lại tác động tích cực gắn liền với sự phát triển về con người, giữ an toàn cho người lao động, đóng góp vào phúc lợi chung cho cộng đồng. Qua đó, Tôn Nam Kim đề ra chiến lược phát triển bền vững bao gồm bốn trụ cột chính:

01
CỦNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tôn Nam Kim xác định "Con người là yếu tố cốt lõi", là chìa khóa then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

02
ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Phụng sự cộng đồng xã hội không chỉ là trách nhiệm cao cả mà còn là vinh dự to lớn của Tôn Nam Kim thông qua những hoạt động ý nghĩa, đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.

03
TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

Không chỉ là trách nhiệm đem lại giá trị kinh tế cao nhất cho cổ đông, tối ưu hiệu quả kinh tế, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là nền tảng cho quá trình phát triển bền vững của Tôn Nam Kim.

04
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

Nhận thức rõ vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Tôn Nam Kim nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên để giảm thiểu tác động lên môi trường tự nhiên.



TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

Tôn Nam Kim dựa trên tình hình thực tế phát triển của doanh nghiệp, kết hợp với những tiêu chuẩn đã được đề ra từ các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG 17) của Liên Hợp Quốc để xây dựng quá trình tối ưu hiệu quả kinh tế.



Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, Tôn Nam Kim luôn ý thức được tầm quan trọng của các mục tiêu phát triển bền vững. Công ty luôn xem việc phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NỀN TẢNG HƯỚNG ĐẾN SỰ BỀN VỮNG

Nền tảng kinh tế vững chắc là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững. Thấu hiểu điều đó, Tôn Nam Kim luôn nỗ lực tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra những lợi ích tốt nhất cho cán bộ công nhân viên, tạo ra giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư đồng thời góp phần phát triển kinh tế đất nước. Qua đó, tạo ra nhiều công việc cho địa phương, tăng giá trị đóng góp cho ngân sách nhà nước cũng như phát triển cộng đồng địa phương thịnh vượng.

TẠO GIÁ TRỊ CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Với phương châm "Tư duy chất lượng, cuộc sống vững bền", Tôn Nam Kim luôn hoạt động với mục tiêu vì lợi ích phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư. Năm 2021 - 2023 kinh tế toàn cầu nói chung và ngành thép nói riêng đã trải qua những khó khăn, thách thức chưa từng thấy do tác động của dịch bệnh, chiến tranh và thị trường tiền tệ thế giới.

Tuy nhiên, Tôn Nam Kim đã có những quyết sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt, kịp thời phù hợp với diễn biến tình hình thị trường. Trong đó đẩy mạnh tái cấu trúc, phát huy những thế mạnh cốt lõi, đón đầu xu thế, chủ động tạo ra dòng tiền ổn định bằng việc duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Nhờ đó đã không chỉ bảo vệ được tài sản của cổ đông mà còn gia tăng giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư. Trong đó, Tôn Nam Kim luôn duy trì sự công bằng và lợi ích cho tất cả các cổ đông, bao gồm cả cổ đông nhỏ lẻ.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC TIỄN

Cải tiến chất lượng không ngừng là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

CỦNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI

Sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, Tôn Nam Kim đã trở thành một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, là "Thương hiệu Quốc gia" uy tín với hệ thống nhà máy hiện đại và thị phần cao. Nguồn nội lực vô cùng to lớn này chính là nền móng cho sự phát triển nhanh và bền vững của Công ty trong tương lai.

Vì thế, "CỦNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI" được Công ty xem là nhiệm vụ trọng yếu, mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2023 - 2025 với những định hướng cụ thể như sau:

- Nâng cao năng lực quản trị và điều hành;
- Cải thiện năng suất lao động, giảm chi phí;
- Khai thác tối đa năng lực thiết bị và nguồn nhân lực kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, phục vụ nhu cầu nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường cao cấp như Mỹ và Châu Âu.

CHÚ TRỌNG R&D - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Để tiến sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, công tác R&D đóng vai trò xương sống trong định hướng phát triển của Ban lãnh đạo Tôn Nam Kim. Trong những năm qua, Tôn Nam Kim đã liên tục nghiên cứu thành công các sản phẩm mới, tiến sâu vào chuỗi giá trị. Tiêu biểu như năm 2022, Tôn Nam Kim nghiên cứu và phát triển thành công sản phẩm tôn mạ lạnh có độ mạ cao, dòng sản phẩm tôn mạ lạnh AZ200 phủ sơn cao cấp có độ bền đến 25 năm, phù hợp với những công trình trong môi trường có tính ăn mòn cao. Năm 2023, Tôn Nam Kim cho ra đời dòng sản phẩm Zinmag, được phủ hợp kim magie và đất hiếm, có độ bền lên trên 50 năm và được thị trường Châu Úc đón nhận ngay lập tức.

Những thành công trong hoạt động nghiên cứu và phát triển này một lần nữa chứng minh nội lực của Công ty, khẳng định vị thế của Tôn Nam Kim trong ngành tôn thép Việt Nam và khu vực. Trong định hướng tương lai, với Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mạnh vào công tác R&D nhằm hướng tới các dòng sản phẩm cao hơn, phục vụ cho những ngành công nghiệp chế tạo máy, đồ gia dụng ở các tiêu chuẩn cao nhất.

ÁP DỤNG CÁC SÁNG KIẾN VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Đúng với tinh thần "CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG KHÔNG NGỪNG", việc bảo đảm hiệu quả quản trị, sử dụng hợp lý nguồn lực, kiểm soát quy trình sản xuất kinh doanh luôn là yếu tố được Tôn Nam Kim chú trọng. Mọi sản phẩm của Công ty đều được sản xuất trên dây chuyền, máy móc tiên tiến hiện đại nhất với tiêu chuẩn chất lượng cao nhất.

Năm 2021, Phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim đã được Văn phòng Công nhận chất lượng BoA - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Chứng chỉ công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 trong lĩnh vực Cơ, Hóa (VILAS 1417). Chứng chỉ này là sự công nhận phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim có đầy đủ năng lực về kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng, có khả năng cung cấp các kết quả thử nghiệm có độ chính xác và tin cậy cao. Kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm được thừa nhận rộng rãi toàn cầu trong hệ thống ILAC - Tổ chức Hợp tác Công nhận PTN Quốc tế, như A2LA (Mỹ), SAC-SINGLAS (Singapore), NATA (Úc), v.v... thừa nhận.

Công ty cũng triển khai áp dụng nhiều sáng kiến và quy chuẩn quản trị quốc tế, điển hình là hệ thống quản trị ERP SAP HANA S/4.

CỦNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Nhân lực là nền tảng kiến thiết nên thành công của doanh nghiệp, là yếu tố bảo đảm nguồn sáng tạo cũng như trực tiếp vận hành bộ máy hoạt động của tổ chức. Nhận thức được nguyên lý này, Tôn Nam Kim đặc biệt coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả.

QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn lực con người đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Do đó việc khai thác tốt, quản trị hiệu quả nguồn lực này là một vấn đề quan trọng trong việc quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Hoạt động quản trị nguồn nhân lực phải tạo điều kiện để con người phát huy hết khả năng tiềm ẩn, giảm lãng phí nguồn lực, tăng hiệu quả của tổ chức. Vì vậy, Tôn Nam Kim luôn chủ động phân tích nhu cầu về lực lượng lao động cần thiết với tiêu chí nhằm bảo đảm đáp ứng đúng, đủ nhu cầu nhân sự.

Công ty cũng luôn chú trọng cải tiến chính sách nhân sự nhằm củng cố, phát triển đội ngũ nhân sự, giữ chân người tài... Năng lực của cấp quản lý trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực được bảo đảm. Đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý các cấp của Tôn Nam Kim có chuyên môn sâu, gắn bó lâu dài và luôn với tinh thần "Quản trị chuẩn mực. Kiểm soát trách nhiệm. Điều hành chuyên nghiệp. Đào tạo tận tâm".

CƠ CẤU NHÂN VIÊN NĂM 2023

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo trình độ lao động		
Trình độ Đại học và trên Đại học	277	20,73%
Trình độ Cao đẳng trung cấp chuyên nghiệp	371	27,77%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	45	3,37%
Lao động phổ thông	643	48,13%
Theo hợp đồng lao động		
Toàn thời gian	1.336	100%
Bán thời gian	-	-
Theo giới tính		
Nam	1.208	90,42%
Nữ	128	9,58%
TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN	**1.336**	



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng phù hợp riêng, song tất cả các vị trí công việc đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, ý thức phát triển nghề nghiệp, thái độ đạo đức tốt vì mục tiêu đơn vị/Công ty, có tính chuyên nghiệp trong công việc và tính kỷ luật cao. Tôn Nam Kim trân trọng sự đa dạng và đảm bảo Công khai - Công bằng - Bình đẳng cho mọi đối tượng phù hợp.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Tôn Nam Kim chú trọng đào tạo nâng cao trình độ, kiến thức và kinh nghiệm cho đội ngũ nhân sự, đặc biệt là kỹ sư, chuyên viên và công nhân trẻ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực để vận hành dây chuyền, nắm bắt và làm chủ công nghệ sản xuất, mở rộng quy mô. Đào tạo trong công việc liên tục được tổ chức, không chỉ đội ngũ kỹ sư, công nhân mà cả đội ngũ cán bộ quản lý và Ban lãnh đạo để nắm bắt công nghệ sản xuất, học hỏi về quản trị và điều hành.

Điều này được thể hiện qua việc Công ty liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo, hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ nhân viên Công ty trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật; tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, thúc đẩy phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với mục tiêu bảo vệ an toàn cho người lao động tránh khỏi những ảnh hưởng của những yếu tố nguy hiểm có hại và tạo ra điều kiện làm việc thuận lợi nhằm bảo đảm sức khoẻ cho người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả góp phần thúc đẩy quá trình phát triển chung của Công ty, việc bảo đảm an toàn lao động là một chính sách lớn của Công ty, là một phần quan trọng, là bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển của Công ty.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ

Tôn Nam Kim nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi của Công ty được thực hiện đầy đủ, hợp lý, minh bạch dựa trên năng suất lao động và mức độ đóng góp cho Công ty. Mỗi năm Công ty đều tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho toàn thể cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn đặt công tác bảo đảm an toàn lao động lên hàng đầu. Môi trường làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho lao động, đặc biệt là thiết bị bảo hộ và phòng cháy chữa cháy.

CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhằm thu hút và giữ chân những người tài năng nhất, giảm tình trạng vắng mặt, giảm tình trạng làm việc khi bị ốm và tăng sự gắn kết của nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, qua kết quả khám sức khoẻ định kỳ cho nhân viên, Công ty sẽ bố trí việc làm phù hợp cho nhân viên và kịp thời phát hiện những bất thường của cơ thể. Đây chính là biện pháp hiệu quả nhất để bảo đảm "Nguồn vốn sức khỏe" cho Công ty, tham gia chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ người lao động.

HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT NHÂN VIÊN

Bên cạnh các thi đua khen thưởng của Công ty, Ban chấp hành Công đoàn Tôn Nam Kim thường xuyên phát động các phong trào thi đua theo tùy thuộc vào tình hình sản xuất, kinh doanh và có các phần thưởng khen thưởng cho người lao động có thành tích xuất sắc trong phong trào để động viên, khích lệ người lao động. Hàng năm, Công đoàn cũng xem xét đánh giá thi đua để khen thưởng các giải như: Cá nhân Đoàn viên xuất sắc, Cá nhân Đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, Tập thể Đoàn viên xuất sắc. Tổ chức tặng quà Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 và 20/10, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân ngày 1/6, tặng quà Tết bằng hiện vật và hoạt động Chuyến xe về Tết cho toàn bộ đoàn viên Công ty....

CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Chính sách khen thưởng, chế độ đãi ngộ của Tôn Nam Kim nhằm tạo động lực khuyến khích cá nhân và tập thể phát huy tối đa khả năng của bản thân nhằm gia tăng hiệu quả công việc của từng cá nhân và của tập thể từng đơn vị. Đồng thời, nhằm ghi nhận và thưởng xứng đáng với năng lực làm việc, sự nỗ lực và thành tích đóng góp vào hiệu quả chung và sự phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện công tác đánh giá thi đua để chi thêm lương bổ sung cho người lao động. Từ kết quả hàng tháng này, Công ty tổng hợp và Hội đồng thi đua xem xét phê duyệt kết quả cả năm của cá nhân và đơn vị để xét thưởng vào cuối năm, trong đó đặc biệt là giải thưởng Cá nhân xuất sắc và Tập thể xuất sắc. Hiện tại, Tôn Nam Kim đang thực hiện các chính sách khen thưởng và chế độ đãi ngộ cho CBCNV gồm:

- Chính sách khen thưởng hàng tháng, hàng quý theo hiệu quả công việc;
- Chính sách khen thưởng năm dành cho cá nhân và tập thể theo hiệu quả công việc;
- Chính sách khen thưởng ngày lễ Tết, ngày thành lập Công ty...;
- Chính sách khen thưởng cá nhân có quá trình cống hiến, đóng góp vào sự phát triển Công ty (theo thâm niên làm việc);
- Chính sách khen thưởng đột xuất: có sáng kiến ý tưởng, giải pháp sáng tạo trong việc phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích vượt trội trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chương trình, dự án do HĐQT hoặc Ban Tổng giám đốc giao phó;
- Chính sách khen thưởng cổ phần ESOP;
- Thu nhập cạnh tranh theo vị trí công việc, bao gồm tiền lương thời gian, tiền lương sản phẩm, hỗ trợ nhà ở, sức khỏe, đi lại...Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo pháp luật lao động: BHXH, BHYT, BHTN;
- Chế độ suất ăn giữa ca;
- Chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 hoàn toàn miễn phí dành cho toàn bộ người lao động;
- Dây chuyền công nghệ sản xuất của nhà máy hiện đại, được đào tạo thường xuyên trong công việc để nâng cao tay nghề;
- Nhiều cơ hội thăng tiến, phát triển lâu dài trong công việc. Chính sách khen thưởng, đãi ngộ sẽ được thiết kế để phù hợp với khả năng cũng như tiềm lực cụ thể của Công ty cũng như các mục tiêu mà Công ty mong muốn đạt được.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN



TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, Tôn Nam Kim không tránh khỏi các tác động đến môi trường. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường vì môi trường chính là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến sự phát triển bền vững. Công ty luôn có các hoạt động thiết thực nhằm bảo vệ môi trường, phấn đấu xây dựng một môi trường sản xuất và làm việc xanh - sạch.

Tôn Nam Kim nhận định rằng việc Công ty sẽ không đánh đổi môi trường để tăng trưởng bằng mọi giá.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CHUNG

- Sử dụng dây chuyền công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, nhằm tiết kiệm nhiên liệu và giảm hao phí nguyên vật liệu.
- Nghiên cứu cải tiến hệ thống, định kỳ bảo trì hệ thống trong quá trình sản xuất, nhằm hạn chế thấp nhất mức độ ảnh hưởng đến môi trường.
- Bên cạnh các giải pháp về máy móc, Công ty kết hợp với yếu tố con người bằng việc liên tục xây dựng và cải tiến đội ngũ nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn; thường xuyên mở các khoá đào tạo để mỗi con người của Tôn Nam Kim thấm nhuần các cam kết chung về môi trường.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

- Thực hiện nghiêm ngặt công tác bảo quản nguyên vật liệu, xử lý chất thải nhà máy sản xuất.
- Khống chế khí thải dưới ngưỡng tiêu chuẩn xả thải theo quy định của Nhà nước, tái sử dụng nước sau hệ thống xử lý nước thải cho quá trình rửa nguyên liệu.
- Lắp đặt hệ thống tái sinh axit thải, đầu vào của hệ thống tái sinh là axit thải ra từ dây chuyền tẩy rỉ.
- Sản phẩm của hệ thống là axit HCL 18% được cung cấp ngược lại làm nguyên vật liệu cho quá trình tẩy rỉ tại dây chuyền tẩy rỉ.
- Tôn Nam Kim thực thi tiết kiệm sử dụng giấy, in ấn tài liệu bằng giấy hai mặt. Công ty đã triển khai Báo cáo Phát triển bền vững và các tài liệu, báo cáo khác bằng bản mềm trên thiết bị điện tử, hạn chế việc in ấn, tránh lãng phí giấy.

SẢN XUẤT XANH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tôn Nam Kim đầu tư dây chuyền tái sinh acid hiện đại của SMS - CHLB Đức. Do vậy, toàn bộ hoạt động tại các nhà máy của Công ty không phát sinh acid thải. Đồng thời, thông qua dây chuyền tái sinh, toàn bộ mạc gỉ thép được thu hồi đạt chuẩn sản phẩm và được cung cấp cho doanh nghiệp khác tái sử dụng trong luyện thép hoặc các ngành công nghiệp khác, thay vì là dạng chất thải tái xử lý.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Tôn Nam Kim tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Nhà nước về môi trường, thường xuyên liên tục cập nhật các quy định pháp luật mới về hoạt động môi trường. Trong năm, Công ty không có bất kỳ hoạt động vi phạm nào về pháp luật môi trường.

ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

TẠO CÔNG ĂN VIỆC LÀM, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐẤT NƯỚC

Sự phát triển, thịnh vượng của Tôn Nam Kim phải gắn liền trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và đất nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã tạo việc làm ổn định cho hơn 1.300 con người.

Hàng năm, Công ty đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Năm 2023, Tôn Nam Kim đã nộp ngân sách tổng cộng 361 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp có doanh thu và nộp ngân sách nhà nước tốt nhất tỉnh Bình Dương, đóng góp một phần vào phát triển kinh tế của tỉnh và đất nước.

NỘP NGÂN SÁCH

361

TỶ ĐỒNG

TẠO VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH HƠN

1.300

NHÂN VIÊN



LUÔN SONG HÀNH CÙNG HẠNH PHÚC CỘNG ĐỒNG

Một xã hội ổn định và thịnh vượng là nền tảng cho nền kinh tế phát triển, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển. Vì vậy, bên cạnh mục tiêu tối ưu hoá lợi nhuận, Công ty luôn xem trọng trách nhiệm đối với cộng đồng. Công ty luôn sẵn sàng chia sẻ một phần lợi nhuận nhằm đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng những hành động thiết thực.

- Hỗ trợ, giúp đỡ cho các hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các gia đình và cá nhân có cơ hội vươn lên;
- Cùng với những doanh nghiệp khác tổ chức các chương trình hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội nhằm phát triển môi trường sống;
- Chung tay giúp đỡ những người gặp khó khăn nhằm nâng cao hơn nữa hình ảnh của Công ty trong lòng người tiêu dùng.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Nội tại vững vàng thích ứng linh hoạt vượt qua mọi thử thách

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 44. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28) 38230796, www.pwc.com/vn

pwc

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14653
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**9.322.639.041.423**	**10.414.909.064.976**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**785.479.050.340**	**1.005.403.528.970**
111	Tiền		748.979.050.340	948.303.528.970
112	Các khoản tương đương tiền		36.500.000.000	57.100.000.000
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**289.613.600.644**	**251.569.818.437**
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	9.353.176	9.353.176
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	289.604.247.468	251.560.465.261
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.926.737.095.556**	**1.516.693.874.948**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.741.024.306.210	1.060.728.823.320
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	179.230.779.567	438.034.966.801
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	17.179.219.247	26.734.127.887
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(10.697.209.468)	(8.804.043.060)
140	**Hàng tồn kho**	8	**5.718.699.385.156**	**7.000.417.214.505**
141	Hàng tồn kho		5.849.032.778.100	7.337.269.938.041
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(130.333.392.944)	(336.852.723.536)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**602.109.909.727**	**640.824.628.116**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	16.586.369.709	16.774.143.093
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14(a)	585.451.185.075	624.032.687.013
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14(a)	72.354.943	17.798.010

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.912.762.205.168**	**3.045.850.764.906**
210	**Khoản phải thu dài hạn**		**5.500.000**	**2.310.962.017**
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	5.500.000	2.310.962.017
220	**Tài sản cố định**		**2.358.754.796.405**	**2.588.279.100.706**
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	1.989.130.813.078	2.263.795.076.520
222	Nguyên giá		5.012.381.146.321	4.926.840.049.364
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.023.250.333.243)	(2.663.044.972.844)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	10(b)	37.360.217.531	41.550.148.470
225	Nguyên giá		41.899.309.383	41.899.309.383
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.539.091.852)	(349.160.913)
227	Tài sản cố định vô hình	10(c)	332.263.765.796	282.933.875.716
228	Nguyên giá		391.098.129.684	330.336.039.684
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(58.834.363.888)	(47.402.163.968)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**311.996.159.857**	**219.720.614.905**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	311.996.159.857	219.720.614.905
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**3.180.000.000**	**8.180.000.000**
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	3.180.000.000	8.180.000.000
260	**Tài sản dài hạn khác**		**238.825.748.906**	**227.360.087.278**
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	238.825.748.906	227.360.087.278
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**12.235.401.246.591**	**13.460.759.829.882**

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**6.812.327.289.944**	**8.141.109.694.811**
310	**Nợ ngắn hạn**		**6.784.014.554.254**	**8.108.870.806.964**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.631.419.258.076	2.544.340.815.756
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	146.991.086.289	258.338.533.839
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14(b)	59.572.559.601	15.798.431.141
314	Phải trả người lao động		29.241.503.610	25.259.058.783
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	23.317.598.074	34.313.565.681
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	13.681.782.893	5.372.997.178
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17(a)	4.767.655.010.639	5.111.300.049.514
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	112.135.755.072	114.147.355.072
330	**Nợ dài hạn**		**28.312.735.690**	**32.238.887.847**
337	Phải trả dài hạn khác		900.000.000	900.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16(b)	-	3.072.616.017
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		27.412.735.690	28.266.271.830
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**5.423.073.956.647**	**5.319.650.135.071**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**5.423.073.956.647**	**5.319.650.135.071**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	2.632.778.060.000	2.632.778.060.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.632.778.060.000*	*2.632.778.060.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	785.907.272.279	785.907.272.279
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	185.830.957.874	185.830.957.874
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20	87.091.899.021	87.091.899.021
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	1.731.465.767.473	1.628.041.945.897
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*1.614.057.202.315*	*1.752.726.783.624*
421b	*- LNST chưa phân phối/(lỗ) của năm nay*		*117.408.565.158*	*(124.684.837.727)*
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**12.235.401.246.591**	**13.460.759.829.882**

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**18.621.212.567.707**	**23.128.328.990.585**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(25.238.314.620)	(57.081.705.338)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	23	**18.595.974.253.087**	**23.071.247.285.247**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	24	**(17.483.711.237.040)**	**(21.589.886.519.482)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.112.263.016.047**	**1.481.360.765.765**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25	230.378.542.142	302.883.172.355
22	Chi phí tài chính	26	(426.154.979.605)	(502.981.252.554)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(292.679.834.464)*	*(262.466.234.780)*
25	Chi phí bán hàng	27	(609.117.894.559)	(1.202.326.906.760)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(130.296.253.597)	(185.780.434.225)
30	**Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**177.072.430.428**	**(106.844.655.419)**
31	Thu nhập khác		597.160.588	1.085.202.870
32	Chi phí khác		(358.676.837)	(1.153.052.765)
40	**Lợi nhuận/(lỗ) khác**		**238.483.751**	**(67.849.895)**
50	**Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế**		**177.310.914.179**	**(106.912.505.314)**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	29	**(60.755.885.161)**	-
52	**Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại**	29	**853.536.140**	**(17.772.332.413)**
60	**Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN**		**117.408.565.158**	**(124.684.837.727)**
	Phân bổ cho:			
61	**Cổ đông của Công ty**		**117.408.565.158**	**(124.684.837.727)**
70	**Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**	21	**446**	**(474)**
71	**Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu**	21	**446**	**(474)**

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế**		**177.310.914.179**	**(106.912.505.314)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		375.827.491.258	377.779.451.401
03	Các khoản hoàn nhập dự phòng		(204.626.164.184)	(80.937.796.264)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(408.428.885)	(2.374.950.035)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(18.761.438.448)	(27.780.579.840)
06	Chi phí lãi vay		292.679.834.464	262.466.234.780
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**622.022.208.384**	**422.239.854.728**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(481.686.910.694)	562.502.615.304
10	Giảm hàng tồn kho		1.488.237.159.941	1.364.388.724.181
11	Giảm các khoản phải trả		(1.044.847.057.433)	(2.757.282.213.653)
12	Tăng chi phí trả trước		(11.277.888.244)	(21.814.695.176)
14	Tiền lãi vay đã trả		(292.679.834.464)	(275.912.317.024)
15	Tiền thuế TNDN đã nộp		(7.381.260.670)	(117.980.632.034)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.830.261.000)	(4.062.222.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**268.556.155.820**	**(827.920.885.674)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(130.230.497.335)	(211.160.204.419)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	13.108.209.091
23	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(40.200.000.000)	(87.302.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		15.000.000.000	294.749.253.051
27	Tiền thu lãi tiền gửi và trái phiếu		9.721.817.773	23.460.423.093
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(145.708.679.562)**	**32.855.680.816**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu thường		-	10.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		18.142.141.256.975	20.747.433.957.317
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(18.450.727.988.434)	(19.479.427.318.945)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(33.798.776.242)	(9.217.848.063)
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông		-	(219.398.568.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**(342.385.507.701)**	**1.049.390.222.309**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(219.538.031.443)**	**254.325.017.451**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**1.005.403.528.970**	**751.445.944.055**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(386.447.187)	(367.432.536)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**785.479.050.340**	**1.005.403.528.970**

Các thông tin liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 32.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 28 vào ngày 4 tháng 8 năm 2022.

Chủ sở hữu của công ty và chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 19(b).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là NKG vào ngày 14 tháng 1 năm 2011 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-SGDHCM của HOSE.

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn;
- Sản xuất sắt, thép, gang, chi tiết: sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép các loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công tại địa điểm trụ sở chính); và
- Mua bán phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế tại trụ sở chính).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 4 công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành, nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	
			2023	2022
			%	%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ống thép Nam Kim	Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100	100
Công ty TNHH MTV Ống thép Nam Kim Chu Lai (i)	Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100	100
Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100	100
Công ty TNHH MTV Tôn Nam Kim Phú Mỹ (ii)	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100	100

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã chấp thuận việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Ống thép Nam Kim Chu Lai từ ngày 26 tháng 12 năm 2023.

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 4 năm 2022, Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 3502474312 ngày 13 tháng 4 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và được thay đổi gần nhất lần thứ 1 vào ngày 5 tháng 5 năm 2022 với vốn điều lệ là 500 tỷ Đồng. Tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất, Công ty đã hoàn tất cam kết góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 1.336 nhân viên (31 tháng 12 năm 2022: 1.395 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Thuê tài sản (tiếp theo)

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước được hạch toán theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không được ghi nhận vào tài sản vô hình theo chính sách kế toán ở Thuyết minh 2.10 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng và công ty tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giác của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 25 năm
Phương tiện vận tải	6 – 25 năm
Thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	33 – 44 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
TSCĐ hữu hình khác	10 – 40 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phải trả phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

(c) Quỹ khác

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trọng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các thành viên Ban kiểm soát của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2023 VND	2022 VND
Tiền mặt	14.491.712.793	1.535.353.919
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	734.487.337.547	946.768.175.051
Các khoản tương đương tiền (*)	36.500.000.000	57.100.000.000
	785.479.050.340	1.005.403.528.970

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và hưởng lãi suất 2,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 5,1%/năm đến 6%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền của Tập đoàn với giá gốc 34.500.000.000 Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(a)).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
BIDV	9.353.176	40.535.600	9.353.176	36.052.400

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
(i) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	289.604.247.468	289.604.247.468	251.560.465.261	251.560.465.261
(ii) Dài hạn				
Trái phiếu (**)	3.180.000.000	3.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,8%/năm đến 6,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,7%/năm đến 5,7%/năm).

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư này thể hiện trái phiếu được phát hành bởi các ngân hàng thương mại ở Việt Nam và hưởng lãi suất 6,95%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu của Tập đoàn với giá gốc 292.784.247.468 Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(a)).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Aceros Y Overollings	120.596.202.614	324.633.092.058
Khác	1.620.428.103.596	736.095.731.262
	1.741.024.306.210	1.060.728.823.320

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó có khả năng thu hồi lần lượt là 10.697.209.468 Đồng và 8.804.043.060 Đồng, đã được lập dự phòng toàn bộ.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Giải trí Đại Dương	145.386.429.616	253.734.664.190
Khác	33.844.349.951	184.300.302.611
	179.230.779.567	438.034.966.801

7 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Dự thu lãi tiền gửi và trái phiếu	6.571.776.759	5.375.938.291
Tạm ứng	709.756.774	471.290.980
Ký quỹ, ký cược	2.789.662.017	471.100.000
Khác	2.077.023.697	5.187.286.616
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	5.031.000.000	15.228.512.000
	17.179.219.247	26.734.127.887

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Ký quỹ, ký cược	5.500.000	2.310.962.017

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 HÀNG TỒN KHO

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.191.383.047.259	-	1.105.445.224.396	-
Nguyên vật liệu	1.654.419.532.288	(1.696.360.672)	2.419.867.179.002	-
Công cụ, dụng cụ	208.194.716.511	-	244.143.896.979	-
Thành phẩm	2.758.478.898.413	(128.637.032.272)	3.464.146.869.548	(336.852.723.536)
Hàng hóa	332.441.556	-	21.055.922	-
Hàng gửi đi bán	36.224.142.073	-	103.645.712.194	-
	5.849.032.778.100	(130.333.392.944)	7.337.269.938.041	(336.852.723.536)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng tồn kho với giá gốc là 5.620.462.557.053 Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(a)).

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	336.852.723.536	420.335.106.099
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 24)	(206.519.330.592)	(83.482.382.563)
Số dư cuối năm	130.333.392.944	336.852.723.536

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Công cụ, dụng cụ	12.509.995.596	11.664.583.072
Chi phí bảo hiểm	3.971.923.834	4.959.643.354
Khác	104.450.279	149.916.667
	16.586.369.709	16.774.143.093

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	16.774.143.093	13.523.389.572
Tăng	30.128.988.695	36.423.875.416
Phân bổ	(30.316.762.079)	(33.173.121.895)
Số dư cuối năm	16.586.369.709	16.774.143.093

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Quyền sử dụng đất	154.963.253.020	164.052.206.722
Công cụ, dụng cụ	68.337.836.847	49.407.310.606
Chi phí sửa chữa, đại tu nhà xưởng	10.304.417.582	7.035.631.631
Chi phí pano quảng cáo	2.964.166.666	3.579.183.333
Khác	2.256.074.791	3.285.754.986
	238.825.748.906	227.360.087.278

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	227.360.087.278	208.796.145.623
Tăng	59.859.631.382	67.203.725.473
Phân bổ	(47.340.995.727)	(48.639.783.818)
Thanh lý	(1.052.974.027)	-
Số dư cuối năm	238.825.748.906	227.360.087.278

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	750.434.596.441	3.879.759.940.308	279.409.290.379	16.510.468.756	725.753.480	**4.926.840.049.364**
Mua trong năm	-	11.005.719.879	723.000.000	-	-	**11.728.719.879**
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	20.621.095.228	48.490.135.886	4.580.241.964	120.904.000	-	**73.812.377.078**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	771.055.691.669	3.939.255.796.073	284.712.532.343	16.631.372.756	725.753.480	**5.012.381.146.321**
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	347.806.659.500	2.179.750.474.806	125.025.193.587	9.959.355.680	503.289.271	**2.663.044.972.844**
Khấu hao trong năm	48.443.535.536	290.419.603.463	19.932.031.932	1.402.732.567	7.456.901	**360.205.360.399**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	396.250.195.036	2.470.170.078.269	144.957.225.519	11.362.088.247	510.746.172	**3.023.250.333.243**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	402.627.936.941	1.700.009.465.502	154.384.096.792	6.551.113.076	222.464.209	**2.263.795.076.520**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	374.805.496.633	1.469.085.717.804	139.755.306.824	5.269.284.509	215.007.308	**1.989.130.813.078**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, TSCĐ hữu hình với giá trị còn lại là 1.634 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.643 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(a)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 254,08 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 188,55 tỷ Đồng).

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ") (tiếp theo)

(b) TSCĐ thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	41.899.309.383
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	349.160.913
Khấu hao trong năm	4.189.930.939
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.539.091.852
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	41.550.148.470
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	37.360.217.531

TSCĐ thuê tài chính liên quan đến các Hợp đồng thuê tài chính số 21822000538/HĐCTTC ngày 30 tháng 11 năm 2022 với Công ty Cho thuê Tài chính BIDV – SuMi Trust - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 13 tháng với lãi suất bao gồm lãi suất cố định là 8,2%/năm trong 3 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất sẽ bao gồm lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Tập đoàn được quyền mua lại theo 0,1% giá mua tài sản khi kết thúc thời hạn hợp đồng cho thuê. Toàn bộ máy móc thiết bị thuê tài chính này được dùng làm tài sản thế chấp cho Hợp đồng thuê tài chính (Thuyết minh 17(c)).

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ") (tiếp theo)

(c) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	320.359.021.684	9.977.018.000	**330.336.039.684**
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	60.762.090.000	-	**60.762.090.000**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	381.121.111.684	9.977.018.000	**391.098.129.684**
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	43.395.809.079	4.006.354.889	**47.402.163.968**
Khấu hao trong năm	9.939.534.142	1.492.665.778	**11.432.199.920**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	53.335.343.221	5.499.020.667	**58.834.363.888**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	276.963.212.605	5.970.663.111	**282.933.875.716**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	327.785.768.463	4.477.997.333	**332.263.765.796**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 268,4 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 276,9 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(a)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 206.842.000 Đồng.

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2023 VND	2022 VND
Xây dựng nhà máy thép	311.795.472.257	218.687.679.323
Mua sắm tài sản cố định	200.687.600	1.032.935.582
	311.996.159.857	219.720.614.905

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	219.720.614.905	176.006.903.074
Mua sắm, xây dựng cơ bản	226.850.012.030	185.933.539.226
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(73.812.377.078)	(91.313.500.368)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 10(c))	(60.762.090.000)	(50.906.327.027)
Số dư cuối năm	311.996.159.857	219.720.614.905

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Win Faith Trading Limited	501.945.188.006	501.945.188.006	-	-
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	309.737.250.827	309.737.250.827	-	-
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	271.820.704.101	271.820.704.101	105.066.440.600	105.066.440.600
Phải trả theo cam kết LC Upas - Thư tín dụng trả chậm	79.534.676.128	79.534.676.128	2.070.828.163.605	2.070.828.163.605
Khác	468.381.439.014	468.381.439.014	368.446.211.551	368.446.211.551
	1.631.419.258.076	1.631.419.258.076	2.544.340.815.756	2.544.340.815.756

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
SK International	21.730.131.100	-
Century Metals	17.457.038.053	-
Khác	107.803.917.136	258.338.533.839
	146.991.086.289	258.338.533.839

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Thuế được hoàn trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
(a) Thuế và các khoản phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ	624.032.687.013	1.977.167.624.929	-	(1.207.956.126.867)	(807.793.000.000)	585.451.185.075
Thuế TNCN	17.798.010	87.730.146	-	(33.173.213)	-	72.354.943
	624.050.485.023	1.977.255.355.075	-	(1.207.989.300.080)	(807.793.000.000)	585.523.540.018

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Thuế được hoàn trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
(b) Thuế và các khoản phải nộp						
Thuế GTGT hàng bán trong nước	-	862.519.311.881	-	(862.519.311.881)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	15.248.252.380	335.471.597.038	-	(345.436.814.986)	-	5.283.034.432
Thuế xuất, nhập khẩu	5.110.440	2.732.559.273	(2.589.085.604)	-	-	148.584.109
Thuế TNDN	-	60.755.885.161	(7.381.260.670)	-	-	53.374.624.491
Thuế thu nhập cá nhân	545.068.321	5.900.575.429	(5.646.153.968)	(33.173.213)	-	766.316.569
Khác	-	719.305.062	(719.305.062)	-	-	-
	15.798.431.141	1.268.099.233.844	(16.335.805.304)	(1.207.989.300.080)	-	59.572.559.601

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Chi phí điện sản xuất	11.777.701.730	8.786.849.080
Chi phí vận chuyển	6.971.891.735	9.878.952.726
Chi phí quảng cáo	3.043.333.334	2.610.880.000
Chi phí LC Upas	634.326.446	12.239.567.955
Khác	890.344.829	797.315.920
	23.317.598.074	34.313.565.681

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2023 VND	2022 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	12.292.082.582	126.000.000
Kinh phí công đoàn	776.040.691	1.097.031.120
Khác	613.659.620	4.149.966.058
	13.681.782.893	5.372.997.178

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Vay ngân hàng (*)	5.077.501.273.272	18.142.141.256.975	(18.450.727.988.434)	-	(4.332.147.191)	4.764.582.394.622
Thuê tài chính (Thuyết minh 17(c))	33.798.776.242	-	(33.798.776.242)	3.072.616.017	-	3.072.616.017
	5.111.300.049.514	18.142.141.256.975	(18.484.526.764.676)	3.072.616.017	(4.332.147.191)	4.767.655.010.639

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Giá trị VND	Tiền tệ gốc	Đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận	1.985.364.037.423	VND	Tháng 6 năm 2024	Hàng tồn kho luân chuyển; quyền sử dụng đất;
	404.019.242.721	USD	Tháng 3 năm 2024	bất động sản; máy móc, thiết bị; khoản đầu tư vào công ty con; và tài sản của cá nhân
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương	557.845.846.835	VND	Tháng 6 năm 2024	Hợp đồng tiền gửi; hàng tồn kho luân chuyển;
	557.654.335.895	USD	Tháng 5 năm 2024	bất động sản; và tài sản cá nhân
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi Nhánh 2 Thành phố Hồ Chí Minh	525.824.560.332	VND	Tháng 6 năm 2024	Máy móc thiết bị; hợp đồng tiền gửi; hàng tồn kho luân chuyển; và bất động sản
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	369.097.060.172	VND	Tháng 6 năm 2024	Hàng tồn kho luân chuyển; và máy móc thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế	222.553.754.368	VND	Tháng 4 năm 2024	Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng TNHH CTBC – chi nhánh TP Hồ Chí Minh	62.153.270.476	VND	Tháng 3 năm 2024	Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam-chi nhánh Đông Đồng Nai	50.070.286.400	VND	Tháng 10 năm 2024	Quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và nhà xưởng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	30.000.000.000	VND	Tháng 3 năm 2024	Hàng tồn kho luân chuyển
	4.764.582.394.622			

Lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn giải ngân bằng Đồng và Đô la Mỹ lần lượt là từ 3%/năm đến 5,8%/năm và từ 3,8%/năm đến 4,8%/năm.

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
	3.072.616.017	(3.072.616.017)	-

2022	Tổng nợ thuê tài chính VND	Chi phí lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	35.488.597.200	1.689.820.958	33.798.776.242
Trên 1 năm đến 5 năm	3.108.510.907	35.894.890	3.072.616.017
	38.597.108.107	1.725.715.848	36.871.392.259

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ thuê tài chính liên quan đến Hợp đồng Thuê tài chính cho máy móc và thiết bị như được trình bày ở Thuyết minh 10(b).

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Dài hạn

Thuê tài chính (Thuyết minh 17(c))

(c) Nợ thuê tài chính

2023	Tổng nợ thuê tài chính VND	Chi phí lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	3.115.952.530	43.336.513	3.072.616.017
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-
	3.115.952.530	43.336.513	3.072.616.017

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	114.147.355.072	48.739.423.325
Tăng trong năm (Thuyết minh 20)	-	66.757.831.747
Chi trong năm	(2.011.600.000)	(1.349.900.000)
Số dư cuối năm	112.135.755.072	114.147.355.072

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	2023 Cổ phiếu phổ thông	2022 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	263.277.806	263.277.806

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2023 Cổ phiếu phổ thông	2023 %	2022 Cổ phiếu phổ thông	2022 %
Ông Hồ Minh Quang	37.391.097	14,20	37.391.097	14,20
Nhóm quỹ Kim Vietnam Fund Management	13.700.000	5,20	-	-
Unicoh Specialty Chemical Co,. Ltd	13.248.000	5,03	13.248.000	5,03
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (Thuyết minh 35)	13.104.000	4,98	13.104.000	4,98
Các cổ đông khác	185.834.709	70,59	199.534.709	75,79
	263.277.806	100	263.277.806	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Cổ phiếu phổ thông	
	Số cổ phiếu	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	218.398.568	2.183.985.680.000
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 20)	44.879.238	448.792.380.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	263.277.806	2.632.778.060.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	263.277.806	2.632.778.060.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.183.985.680.000	785.907.272.279	74.567.904.963	42.586.677.857	2.636.156.159.446	**5.723.203.694.545**
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(124.684.837.727)	**(124.684.837.727)**
Vốn tăng trong năm	10.000.000.000	-	-	-	-	**10.000.000.000**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	438.792.380.000	-	-	-	(438.792.380.000)	**-**
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(219.398.568.000)	**(219.398.568.000)**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	-	(66.757.831.747)	**(66.757.831.747)**
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	111.263.052.911	-	(111.263.052.911)	**-**
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	44.505.221.164	(44.505.221.164)	**-**
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.712.322.000)	**(2.712.322.000)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.632.778.060.000	785.907.272.279	185.830.957.874	87.091.899.021	1.628.041.945.897	**5.319.650.135.071**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	117.408.565.158	**117.408.565.158**
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	(13.984.743.582)	**(13.984.743.582)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.632.778.060.000	785.907.272.279	185.830.957.874	87.091.899.021	1.731.465.767.473	**5.423.073.956.647**

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 001/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt tổng thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 là 1% của LNST năm 2021. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét quyết định tỷ lệ chi trả cụ thể cho từng thành viên tùy theo tình hình kết quả hoạt động thực tế. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 13.984.743.582 Đồng từ nguồn LNST.

21 LÃI/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm tài chính. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023	2022
Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	117.408.565.158	(124.684.837.727)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	263.277.806	263.225.203
Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	446	(474)

(*) Tập đoàn chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

(b) Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 27.026.949 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 38.999.033 Đô la Mỹ).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 34(a).

23 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	18.224.197.647.319	22.587.517.520.377
Doanh thu khác	397.014.920.388	540.811.470.208
	18.621.212.567.707	23.128.328.990.585
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(19.463.621.089)	(33.034.669.362)
Giảm giá hàng bán	(12.418.203)	(12.837.773.257)
Hàng bán bị trả lại	(5.762.275.328)	(11.209.262.719)
	(25.238.314.620)	(57.081.705.338)
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	18.198.959.332.699	22.530.435.815.039
Doanh thu thuần khác	397.014.920.388	540.811.470.208
	18.595.974.253.087	23.071.247.285.247

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ cung cấp	17.690.230.567.632	21.673.368.902.045
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho (Thuyết minh 8)	(206.519.330.592)	(83.482.382.563)
	17.483.711.237.040	21.589.886.519.482

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	210.070.628.355	271.184.343.033
Lãi tiền gửi và trái phiếu	18.761.438.448	28.836.361.384
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	408.428.885	2.374.950.035
Khác	1.138.046.454	487.517.903
	230.378.542.142	302.883.172.355

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	292.679.834.464	262.466.234.780
Lỗ chệch lệch tỷ giá đã thực hiện	133.475.062.463	240.515.014.101
Khác	82.678	3.673
	426.154.979.605	502.981.252.554

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Chi phí vận chuyển	547.586.817.504	1.137.814.395.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.929.461.897	27.841.603.311
Chi phí nhân viên	25.555.915.894	25.019.011.637
Khác	7.045.699.264	11.651.895.938
	609.117.894.559	1.202.326.906.760

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.559.661.258	118.252.223.771
Chi phí nhân viên	50.728.842.441	47.195.016.923
Chi phí khấu hao	5.292.329.077	5.442.511.531
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.893.166.408	2.544.586.299
Khác	10.822.254.413	12.346.095.701
	130.296.253.597	185.780.434.225

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty được hưởng các ưu đãi thuế cho các phần đầu tư như sau:

Đối với dự án Nhà máy Thép Nam Kim 3:

Tập đoàn được miễn thuế TNDN trong vòng 2 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (2017 – 2018) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2019 – 2022) đối với thu nhập chịu thuế phát sinh từ dự án.

Đối với dự án Nhà máy Ống thép Nam Kim:

Tập đoàn được miễn thuế TNDN trong vòng 2 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (2017 – 2018) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2019 – 2022) đối với thu nhập chịu thuế phát sinh từ dự án.

Các thu nhập chịu thuế khác áp dụng mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%.

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	177.310.914.179	(106.912.505.314)
Thuế tính ở thuế suất 20%	35.462.182.836	(21.382.501.063)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	477.071.362	355.872.973
Điều chỉnh thuế của năm trước	7.381.260.670	-
Điều chỉnh thuế của chi phí lãi vay không được trừ năm trước được chuyển sang năm này (i)	1.805.088.397	2.093.523.944
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (ii)	14.776.745.756	36.705.436.559
Chi phí thuế TNDN	59.902.349.021	17.772.332.413
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành (iii)	60.755.885.161	-
Thuế TNDN - hoãn lại	(853.536.140)	17.772.332.413
	59.902.349.021	17.772.332.413

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") (tiếp theo)

(ii) (i)Theo các quy định thuế hiện hành, chi phí lãi vay vượt quá 30% của EBITDA của năm báo cáo có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế tiếp theo được tính liên tục không quá 5 năm khi xác định tổng chi phí lãi vay được khấu trừ nếu Công ty có giao dịch với bên liên kết. Trong năm tài chính, Công ty đã đưa vào chi phí được trừ 5.968.405.113 Đồng từ tổng 77.526.497.895 Đồng chi phí lãi vay vượt mức của năm 2022.

(iii) Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2022	Chưa thanh tra	173.686.500.550	-	173.686.500.550
2023	Chưa thanh tra	72.779.784.875	-	72.779.784.875

(iv) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.222.374.567.613	22.416.660.482.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.102.778.056.362	1.810.408.255.299
Chi phí khấu hao	375.827.491.258	377.779.451.401
Chi phí nhân viên	260.744.725.494	262.339.049.123
Khác	34.490.085.725	36.542.815.833
	18.996.214.926.452	24.903.730.053.756

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh các loại tôn thép, tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm, ống thép và các sản phẩm thép hoặc thép cuộn là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận/(lỗ) cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu theo bộ phận được trình bày dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Xuất khẩu"). Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí của tài sản và cơ sở sản xuất chủ yếu là ở Việt Nam. Tập đoàn không theo dõi tài sản bộ phận và chi tiêu vốn theo vị trí địa lý của khách hàng.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	2023 VND	2022 VND
Xuất khẩu	11.036.492.072.088	13.591.986.427.266
Trong nước	7.559.482.180.999	9.479.260.857.981
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.595.974.253.087	23.071.247.285.247

32 THUYẾT MINH CHO KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT") HỢP NHẤT

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc	7.843.782.207	-

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Ống thép Nam Kim	Công ty con
Công ty TNHH MTV Ống thép Nam Kim Chu Lai	Công ty con
Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam	Công ty con
Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Thành viên ban Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên ban Tổng Giám đốc

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

	2023 VND
(i) Tạm ứng	
Ông Hồ Minh Quang - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	15.000.000.000
Tăng tạm ứng	10.000.000.000
Hoàn ứng	(20.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Thành viên Ban Tổng Giám đốc	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	228.512.000
Tăng tạm ứng	632.812.621
Hoàn ứng	(830.324.621)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	31.000.000
	-
Ông Nguyễn Vinh An - Thành viên Ban Tổng Giám đốc	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-
Tăng tạm ứng	20.000.000
Hoàn ứng	(20.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	-

(ii) Chi thù lao và lương cho các nhân sự quản lý chủ chốt

		2023 VND	2022 VND
Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.395.416.385	2.557.795.975
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2.061.211.000	2.205.118.082
Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	1.090.845.000	1.190.327.538
Bà Võ Thị Vui	Thành viên ban Kiểm soát	378.717.294	353.625.101
Bà Nguyễn Thị Bích Nhi	Trưởng ban Kiểm soát	298.803.293	308.757.560
Ông Lê Nhật Tân	Thành viên ban Kiểm soát	295.868.230	298.888.686
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên Hội đồng Quản trị	100.000.000	100.000.000
Ông Võ Thời	Thành viên Hội đồng Quản trị	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	100.000.000
Các thành viên khác	Thành viên Ban Tổng Giám Đốc	6.492.562.764	5.857.438.212
		13.213.423.966	13.071.951.154

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)		
Ông Hồ Minh Quang - Tạm ứng	5.000.000.000	15.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Tạm ứng	31.000.000	228.512.000
	5.031.000.000	15.228.512.000

34 CÁC CAM KẾT

(a) Thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê văn phòng không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2023 VND	2022 VND
Trong vòng 1 năm	236.372.640	1.068.162.102

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí xây dựng cơ bản TSCĐ dở dang	53.191.241.058	54.480.991.698

35 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 29 tháng 1 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại SMC đã đăng ký bán ra toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim là 13.104.000 cổ phiếu. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, giao dịch trên đã hoàn tất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 20 tháng 3 năm 2024.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Vũ Thị Huyền	Võ Hoàng Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Bình Dương, Ngày 09 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ HOÀNG VŨ